

DU-GIÀ LUẬN KÝ

QUYỂN 12 (Phần Đầu)

BẢN LUẬN QUYỂN 48

Trong giải thích giới trụ Tăng thượng, trước hỏi, kế là, giải thích, sau, là kết, giải thích hội danh. Trong giải thích có ba:

1) Giải thích về mười ý lạc, tức Địa luận gọi là phát khởi phần tịnh.

2) Nói về tướng trụ, luận kia gọi là phần tịnh của tự thể.

3) Nói về so lường. Địa luận vì lấy trước để so với sau, nên không có văn này. Nếu theo đoạn văn kết dưới đây, tức là chín đoạn. Các địa dưới, cũng tùy theo đoạn văn kết, tức chia ra ngần ấy đoạn, y theo đó sẽ biết.

Sơ địa ở trước vì thực hành mười ý lạc rất viên mãn, vượt nhập Nhị Địa. Trong mười ý lạc, chín thứ trước là lợi mình, một thứ sau, là lợi chúng sinh, tức do mười thứ ý lạc như thế, thành tựu phẩm thượng.

“Cho nên ngang bằng v.v...” trở xuống, là thứ hai, nói về Tự thể tịnh, trong đó, 1) nói về Thể của trụ. 2) “Ở trong trụ này v.v...” trở xuống, là nói về tướng trụ, gồm có năm câu: Hai câu đầu, nói về giới Luật nghi. Một câu kế nói về giới Nhiếp thiện pháp. Sau, có hai câu, nói về giới Nhiếp hữu tình.

Nói đầy đủ tánh giới trong trụ này, nghĩa là Sơ địa dù không có phạm giới, cũng có lầm phạm.

1) Nay, vì ở Nhị Địa nên lầm phạm giới đều không có, nên gọi là đầy đủ, đây là câu một.

2) Phạm giới tà ác rất nhỏ còn không có, hướng chi là phẩm trung, thượng, tức lia tất cả thứ như bản hủy phạm giới.

3) Lại, đối với mười thứ nghiệp đạo viên mãn hiển hiện v.v..., nghĩa là nhờ dứt trừ mười nghiệp đạo ác, nên mười nghiệp đạo thiện viên mãn, tự tánh thể hiện rõ.

Tánh giới đầy đủ như thế, có thể dùng tuệ mâu nhiệm, đối với

nhiệm của thế gian, không nhiệm hiện hạnh của các nghiệp, quả Đẳng lưu Dị thực và Đẳng lưu của các nghiệp xuất thế, đều biết rõ như thật.

4) Nói tự dứt ác, tu thiện, lại khuyến khích người khác thực hành.

5) Nói về bình đẳng quán chúng sinh, thương xót chúng phải cam chịu đau khổ.

Nỗi khổ của nghĩa thứ nhất là hành khổ kia.

“Các Bồ-tát này an trụ...” trở xuống, thứ ba, là nói về suy lường, trong đó có hai:

1) Nói về quả điều phục, nhu nhuận.

2) Nói về gồm thâu quả báo, quả Phát Thú là Kiến giải, vì gồm thâu cuộc hạn ở Sơ Địa, nên ở đây không nói. Theo Pháp sư như Chánh giải thích “Vì chỉ bày phương tiện của đạo không mê, mà vì tu chánh hạnh, nên bỏ đi quả Phát thú. Lại, lấy trước so sánh với sau, nên không do nói đạo lý, mười Địa đều có quả phát thú. Quả của nguyện, nghĩa là đồng với Sơ địa, vì chẳng khác với trước, nên cũng không nói.

Trong quả điều phục, nhu nhuận, trước, chỉ chung đồng với trước. Sau, nêu dụ để làm rõ.

Nói thấy rộng thiện căn thanh tịnh của Chư Phật, như trước nên biết, nghĩa là trong Sơ Địa ở trước nói “đối với Phật, Pháp, Tăng, cúng dường, nhiếp thọ, dùng bốn thứ nhiếp thành thực hữu tình, dùng tất cả thiện căn để hồi hướng Bồ-đề.

Trong nêu thí dụ chỉ bày, trước là dụ, sau là hợp.

Ca-Tứ-Ta, là đá phèn xanh, đen. Bản dịch xưa rằng “Thuốc Ca-tư-ta, Địa luận nói là đá phèn. Do thể chất vàng có vết bản nhỏ nhiệm, nên đặt đá phèn vào để trừ.

“Trong trụ này...” trở xuống, nói về gồm thâu quả báo, đầu tiên, là nói về quả của tại gia. Kế là, nói rằng “Phải biết oai lực vượt quá gấp mười lần trước, tức bảo cho biết quả của xuất gia.”

Bản dịch xưa rằng “Mười sự của thần lực, như Tu-đa-la nói “Theo như kinh Thập Địa rằng “1) Trong một niệm, được ngàn tam-muội, cho đến mười hai. Trong mỗi thân, có khả năng thị hiện ngàn Bồ-tát để làm quyến thuộc.

Trong đây nói rằng gấp mười lần, nghĩa là Sơ địa được một trăm, nhị địa được một ngàn, nên tức Bản dịch xưa rằng “mười việc” là sai lầm!

Có chỗ giải thích “Ở đây nói rằng “oai lực, tức gọi là nguyện biết quả.”

Giải thích này, không đúng. Trong kết giải thích hội danh, có ba:

- 1) Kết, nói sơ lược.
- 2) Chỉ kinh nói rộng.
- 3) Giải thích hội tên khác.

Trong phần trước có chín câu:

- Một câu, kết mười ý lạc.
- Có hai câu, kết Giới luật nghi.
- Có một câu, kết giới Nhiếp thiện pháp.
- Có hai câu, kết giới Nhiếp hữu tình.
- Có một câu, kết quả điều phục, nhu nhuần.
- Có hai câu, kết gồm thâu quả báo.

Trong tăng thượng tâm trụ, cũng hỏi đáp, kết.

Chín câu trong phần đáp, theo Địa luận thì câu đầu là Nhị Địa thú nhập phương tiện của ba Địa. Câu kế là, tức là tâm của chánh trụ địa. Sau, có sáu câu nói về quả nhàm chán, tức tâm mãn của Địa.

Trong câu đầu nói rằng “Đã được mười thứ ý lạc thanh tịnh”, nghĩa là tự chia công hạnh trong Nhị Địa.”

“Lại, do mười tâm tịnh khác...” trở xuống, là nói về hạnh thắng tấn của Nhị Địa, cho đến nhập Tăng thượng tâm trụ. Mười tâm tịnh này, cho đến như Địa luận nói:

- 1) Dựa vào tăng thượng tâm trụ kia, khởi tâm niệm tịnh sâu sắc, như kinh nói “Vì tâm tịnh”.
- 2) Dựa vào không bỏ thừa mình, như kinh nói “Vì tâm không dao động”.
- 3) Đối với chí cầu pháp vượt hơn, khởi phương tiện thiện. Đây là chủ thể nhàm chán tai hại tham dục ở đương lai, như kinh nói “Vì tâm nhàm chán”.
- 4) Dựa vào không tham dục hiện của người, như kinh nói “Vì ly dục”.
- 5) Dựa vào không bỏ lợi đao của thừa mình, như kinh nói “Vì tâm không lui sụt”.
- 6) Dựa vào phiền não của Địa mình không thể phá hoại, như kinh nói “Vì tâm vững chắc”.
- 7) Dựa vào Tam-ma-Bạt-Đề tự tại, như kinh nói “Vì tâm rất sáng suốt”.
- 8) Dựa vào thiên định tự tại có sức, dù sinh xuống Địa dưới, nhưng không lui sụt, như kinh nói “Vì tâm đôn hậu”.
- 9) Dựa vào Địa dưới sinh, phiền não không thể nhiễm, như kinh nói “Vì tâm vui sướng”.

10) Dựa vào lợi ích chúng sinh, không cắt đứt các hữu, như kinh nói “Vì tâm rộng lớn”.

Theo Địa luận kia nói, trên đây tức giải thích về thu hưởng phần công hạnh. Kế có một câu nói về tâm của trụ địa ban đầu, nghĩa là Bồ-tát an trụ, cho đến có thể khởi ý lạc thương xót rộng lớn, đó là khi Bồ-tát an trụ tăng thượng tăng trụ, đã có các thứ tai họa lỗi lầm, có thể làm hư hoại tất cả công hạnh lành, đều có thể khởi tâm sâu sắc nhằm lìa v.v... đối với các công hạnh đó.

Nói “Sinh tâm dựa vào nghĩa”, nghĩa là sinh tâm nghĩa lợi lạc, nghĩa là nghĩa lợi.

Kế có một câu nói về tâm chánh trụ địa, nghĩa là “quán các hữu tình, cho đến “đều nghe chánh pháp dùng làm duyên khởi, trong đó, đầu tiên, là quán phương tiện giúp cho hữu tình thoát khổ, chỉ là trí không có chướng ngại của Đức Phật kia. Kế là, tìm kiếm trí Phật, do Học kia khởi trí vô phân biệt. Kế là, tìm kiếm trí này do dựa vào định khởi, nghĩa là tức định v.v... mà ba Địa đã tu. Lại, tìm kiếm ở định này, biết nhân giáo pháp, khởi sự lắng nghe làm đầu.

“Quán thấy từ đây...” trở xuống, có sáu câu, là quả của phần nhằm chán. Đầu tiên, đối với chánh pháp, học hỏi, tìm kiếm không biết mệt mỏi.

2) Từ câu “Bồ-tát phát khởi tinh tấn như thế” trở xuống, là có khả năng chính tu pháp tùy, pháp hạnh.

3) Từ câu “Đã phần nhiều trụ rồi, lại ruồng bỏ v.v...” trở xuống, là ruồng bỏ tinh lực, tùy lạc, ái, sinh cõi Dục.

Nói “Như thế, Bồ-tát vì lìa dục tham, nên gọi là cắt đứt sự trói buộc của dục, nghĩa là lìa dục được được định.”

Lìa bỏ Tinh lực, đẳng trì, Đẳng chí, nên gọi là dứt trừ hữu tình trói buộc, nghĩa là bỏ định trên, không thọ, gọi là cắt đứt sự trói buộc của hữu.

Ở trước từ hạnh địa thắng giải, cho đến rốt ráo không chuyển biến, Luận sư Cảnh nói “Ở trước, từ Thắng giải địa nhập Chân như quán, đã đoạn Kiến phược, tà tham, nhuế, si, rốt ráo không chuyển biến.” Pháp sư Thái nói “Do từ Thắng giải hạnh Địa, vì tu thắng giải ở đối với pháp Chân như, nên đã dứt trừ kiến phược trong Sơ địa. Dựa vào các Kiến phược mà khởi tà tham, nhuế, si cũng diệt theo. Nếu phân biệt ngã kiến gồm thân Kiến phược, thì sẽ dứt hết hạt giống trong Sơ địa. Nếu câu sinh ngã kiến là dục phược, thì sẽ thuộc về hữu phược. Trong Địa thứ tư, khuất phục, không để sanh khởi, đến Kim Cương, mới dứt trừ hạt giống.

Biên Kiến cũng chung cả phân biệt, Câu sinh, như đối với ngã kiến dứt trừ. Nếu hai thủ tà kiến vì phân biệt khởi, thì ba Kiến này chỉ gồm thân kiến phược. Bồ-tát Sơ địa hạt giống cùng tận.

4) Từ câu “thấy nhiều Chư Phật...” trở xuống, là nói về quả điều hòa, nhu nhuận.

Địa vị xứng lượng v.v..., nghĩa là Nhị Địa trước như tôi luyện khoáng chất chưa hết, gọi là thiêu hủy nhẹ hai Hữu. Nay, ở ba Địa, như khoáng chất hết, vàng sạch, gọi là hai trụ định.

5) Nói về sự thọ sinh.

6) Nói về oai lực, đều là văn gồm thân quả báo. Luận sư Cảnh nói “Có oai lực...” trở xuống, nói về quả oai lực trong quả của nguyện trí, giải thích không như vậy.

Trong đoạn kết, trước, kết nói sơ lược, kế là, chỉ kinh nói rộng. Sau, giải thích hội tên khác.

Do phát nghe, thực hành chánh pháp sáng suốt, đẳng trì sáng suốt v.v..., nghĩa là khi cầu pháp, vì văn tuệ soi rọi pháp sáng suốt, nên nói “nghe, thực hành chánh pháp sáng suốt. Do nghe sinh tu, nên nói “đẳng trì sáng suốt v.v....”

Do nội tâm tịnh, nghĩa là Địa này vì chứng nội, tu tuệ sáng suốt, nên nói “nội tâm tịnh”. Ý tịnh Vô lậu, gọi là nội tâm, nghĩa là tức định.

Trong phần giáo tương ứng với Tăng thượng tuệ trụ, gồm có hỏi, giải thích, và kết.

Y theo văn kết dưới đây thì sẽ biết trong phần giải thích có mười ba đoạn.

Trong phần đầu nói “ các Bồ-tát, cho đến “Nên biết tướng v.v... kia”, nghĩa là theo như Địa kinh nói “Sẽ dùng mười pháp sáng suốt nhập Địa thứ tư, mười pháp là gì? Cho đến nói rộng.

Địa luận giải thích “Pháp sáng suốt nhập, nghĩa là được chứng Địa sáng suốt, dựa vào trí sáng suốt đó, nhập vào pháp mà đức Như lai đã nói. Trí đó được gọi là pháp sáng suốt nhập. Pháp mà đức Như lai đã nói đó, do chánh quán tư duy so lường, biết như thật về hai Xứ là thuận theo hạnh. Sự tư duy so lường này có mười thứ khác nhau:

1) Tư duy so lường phân biệt chúng sinh, giả gọi là sai biệt, như kinh nói “So lường giới chúng sinh vì sáng suốt hội nhập.”

2) Y kinh phân biệt, như kinh nói “So lường thế giới, sáng suốt thể nhập.”

3) Dựa vào nhiệm phân biệt, như kinh nói “So lường pháp giới,

sáng suốt thể nhập.”

4) Vô tận phân biệt, như kinh nói “So lường hư không giới, sáng suốt nhập.”

5) Nhiễm, tịnh y chỉ phân biệt, như kinh nói “So lường thức giới, vì sáng suốt nhập.”

6) Phiền não khiến nhiễm phân biệt, như kinh nói “So lường cõi Dục, Sắc, Vô Sắc, sáng suốt nhập.”

7) Tịnh phân biệt, như kinh nói “So lường tâm vượt hơn, quyết định tín, giới, vì sáng suốt nhập.”

8) So lường tâm đại, quyết định tín, giới, vì sáng suốt nhập.

Sử phiền não trong đây, nói là ba cõi tịnh, nghĩa là hai câu:

1) Dựa vào phiền não bất nhiễm.

2) Dựa vào không bỏ nghĩa đồng, không đồng, của chúng sinh, Thanh văn v.v....

Nay, luận này nói “Nếu giả thuyết v.v...”, Luận sư Cảnh nói “Trong đây chỉ có mười pháp sáng suốt nhập đã nói sơ lược về nghĩa, Nghĩa là nếu pháp kia là giả lập thì sáng suốt nhập thứ nhất. Chúng sinh là sự nhóm họp giả có. Nếu do giả thiết ở trong đó, là thứ hai.

Đối với thế, chỉ, trụ, là giả lập. Thế giới nhập cũng là sự nhóm họp giả có. Nếu do giả thiết này là thứ ba, thì là pháp nhiễm của ba tánh như thiện hữu lậu v.v... Do pháp ba tánh của pháp giới này, giả thiết chúng sinh và khí thế giới. Nếu Thắng nghĩa bình đẳng, là thứ tư. Đại hư không này cũng có thể nói Chân như kia gọi là hư không, nên trong đây nói Thắng nghĩa bình đẳng. Nếu vì nhiễm não, vì thanh tịnh nên trở thành nhiễm, thành tịnh, là thứ năm. Do thức là chỗ nương tựa của nhiễm, tịnh, nên nói thành nhiễm, thành tịnh. Nếu do phiền não ràng buộc mà nhiễm thì đó là thứ sáu, thứ bảy, thứ tám.

So lường cõi Dục, Sắc, Vô Sắc, dùng sự ràng buộc để kiến lập riêng ba cõi, nếu do thanh tịnh vô thượng mà tịnh, thì tức là thứ chín, thứ mười.

1. So lường hai pháp thắng thiện, đại thiện sáng suốt nhập. Niết-bàn Vô lậu của Nhị thừa bất nhiễm, gọi là thiện vượt hơn. Vô lậu của Đại thừa vì vượt hơn Nhị thừa, nên gọi là Đại thiện.

2. Nói về Thành tựu trí, như kệ kinh nói “Ý lạc không hư hoại mà là thượng thủ, cho đến đều thành thực”, nghĩa là mười thứ Pháp trí, chủ thể thành tựu trí; Trí là được thành tựu. Mười thứ này là Pháp thành tựu trí, là ý nghĩa trong đây.

Ý lạc không hư hoại, mà làm Thượng thủ, Pháp sư Cơ giải thích

“Thứ nhất trong mười pháp, nên nói là Thượng thủ.” Luận Địa Trì bản chữ dịch nói “Thành thực tịnh không hư hoại là đứng đầu.” Địa kinh tương đương với thứ hai, đồng kính Tam Bảo, gọi là tịnh không hư hoại. giải thích này tương đương với tâm không lui sụt thứ nhất kia. Không hư hoại, tức là nghĩa không lui sụt.”

Kinh rằng “Vì trí đầu tiên nên nói là thượng thủ.” kinh ấy nói “Các Phật tử là Bồ-tát được Đại địa, tức nương tựa vào nhà Như lai, chuyển biến có thể lực vì được pháp nội, dùng mười thứ pháp trí, giáo hóa thành thực chúng sinh. Mười trí đó là:

- 1) Tâm không lui sụt.
- 2) Nương tựa Tam Bảo, quyết định cung kính, vì rốt ráo hết lòng.
- 3) Phân biệt quán hành sinh, diệt.
- 4) Phân biệt quán tự tánh các pháp bất sinh.
- 5) Phân biệt quán tuệ thanh tịnh của thế gian.
- 6) Phân biệt quán ưa có sinh.
- 7) Phân biệt quán Niết-bàn thế gian.
- 8) Phân biệt quán Nghiệp sai khác của thế giới chúng sinh.
- 9) Phân biệt quán sự khác nhau giữa mẹ trước, mẹ sau.
- 10) Phân biệt quán không có cùng tận.

Nói lớn lên trong nhà Như lai, nghĩa là Sơ địa, gọi là sinh vào nhà Như lai. Đã sinh trong nhà Như lai rồi, nay, Địa v.v... này, gọi là lớn lên trong nhà Như lai.

Được pháp thế kia, Luận Địa Trì bản chữ dịch nói là được tự tại. kinh rằng “Được lớn lên trong nhà Như lai rồi, được thế lực tự tại. Lại, được Pháp thể, được thể của Như lai, nghĩa là Chân như là Pháp thể.”

Lại, mười tự tại, gọi là Pháp thể.

Nói về tu tập pháp Bồ-đề phần. Nói “Quán nhất thiết chủng Bồ-đề Tát-đỏa, vì sức tăng thượng. Đây là nói tu phần giác. “Duyên” Bồ-đề, gọi là giác, là cảnh được mong cầu. Tát-đỏa, Hán dịch là hữu tình, là cảnh được giáo hóa. Lại, năng cầu giác ngộ hữu tình. Lại, Tát-đỏa là nghĩa mạnh mẽ, mạnh mẽ cầu đại Bồ-đề.

Nói về dứt trừ thân kiến v.v..., Địa này có khả năng ra lìa, điều phục ngã kiến trong thức thứ sáu. Ngoài ra, tham, sân v.v... hãy còn. Thức thứ bảy kia vẫn còn điều phục khi nhập Bát Địa.

“Do dứt trừ kia...” trở xuống, là thứ năm, nói về chế nghiệp, khai nghiệp, xa lìa tập gần.

“Đã như thế...” trở xuống, thứ sáu, nói về tâm điều hòa, nhu nhuyễn.

Theo Địa luận, có mười tâm:

Tâm nhuần thấm lợi ích.

Tâm mềm mỏng.

Tâm điều hòa.

Tâm vui, yên ổn.

Tâm bất nhiễm.

Tâm chuyển, cầu thắng hạnh thượng thượng.

Tâm chuyển trí thù thắng.

Tâm cầu thế gian.

Tâm cung kính các thầy, thuận theo thọ giáo. Tâm

hễ nghe được pháp nào liền tu hành pháp đó.

Nay, luận này có ba câu:

1) Nhuận thấm, nhu hòa, gồm thâu chung ba tâm ban đầu kia, cũng có thể thấm nhuần là tâm nhuận ích đầu tiên. Nhu, là tâm mềm mỏng thứ hai; Hòa là tâm điều hòa thứ ba.

2) Có khả năng gồm thâu tâm bất nhiễm, vui yên ổn kia.

3) Tâm kia chuyển biến, thêm vào đó, các thứ hành tướng đều khéo thanh tịnh, gồm thâu năm tâm sau kia.

Lại, “khéo biết ơn...” trở xuống, thứ bảy, nói về thuận theo công đức đều hưng thịnh, như Địa kinh nói “Bồ-tát này thành tựu tâm biết ơn như thế, với tâm biết trả ơn chuyển sang tâm ngay thẳng, nhu hòa, đồng dừng ở yên vui, tâm nhuyến không có rùng rậm, hạnh không có đua nịnh, cong vạy, không có ngã mạn. Khéo thọ lãnh sự dạy răn, được gọi là ý.”

Luận này nêu hai câu đầu, đồng lấy câu khác. Tìm kiếm Địa trên đến xa được an trụ, là chi Đại tinh tấn của nghiệp tu trị Địa thứ tám.

Địa kinh nói về mười tinh tấn:

1) Tinh tấn, không thôi dứt, cho đến điều lành thứ mười, phân biệt là Tinh tấn của Đạo, chẳng phải Đạo, như kinh kia nói rộng.

Nói về ý lạc thắng giải tịnh tu trị.

Nói về Thánh giáo, oán thù không thể lấn át, nghiêng động.

Địa kinh nói “Là, Bồ-tát, tâm sâu, cõi thanh tịnh. Tâm sâu, cõi không mất. Tín hiểu cảnh giới chuyển biến sáng suốt, sinh thiện căn tăng trưởng, xa lìa vẫn đục, của thế gian, dứt trừ các tâm ngờ vực, không có lưới nghi. Hiện ở trước đầy đủ thành thực Hỷ, lạc. Đức Như lai hiện ở trước, che chở vô lượng tâm sâu hiện tiền thành thực.”

Nay, xếp đoạn văn kia chính thuộc về câu này, nghĩa là cho đến thiện căn tăng trưởng, phối hợp với câu thứ chín.

“Xa lìa vẫn đực thế gian v.v...” trở xuống, là phối hợp với câu thứ nhất.

Cũng có thể hệ thuộc chung câu thứ chín để giải thích.

“Thấy rộng Chư Phật v.v...” trở xuống, thứ mười một, nói về thiện căn thanh tịnh, gọi là quả điều nhu.

“Phần nhiều làm v.v...” trở xuống, là câu thứ mười hai gọi là quả Nhiếp pháp.

Tô-Dạ-ma, Hán dịch là thiện thời phần. Dưới đây, trong giải thích hội danh nói là pháp Bồ-đề phần, như Phật biết ánh lửa có thể thành tựu giáo chánh pháp, tuệ soi sáng v.v.... Luận sư Cảnh nói “Trí của phẩm tu đạo trong bốn Địa, gọi là ánh lửa, trí có thể lập giáo, gọi là Tuệ, gọi là Diệm Tuệ địa.”

Pháp sư Khuy Cơ nói “giáo chánh pháp là đối tượng soi rọi. Trí này vì hay soi rọi giáo chánh pháp, nên gọi là Diệm Tuệ địa.”

Trong các Đế tương ứng với Tăng thượng tuệ trụ, giải thích, kết.

Trong giải thích có mười:

Tu mười thứ ý lạc bình đẳng, được nhập Ngũ Địa.

Nói “Như Kế kinh chép: “Nên biết tương kia”, nghĩa là như kinh Thập Địa nói “Các Phật tử trong Ngũ Địa! Nếu Bồ-tát được Địa Bồ-tát thứ tư khéo viên mãn các công hạnh xong, muốn nhập Địa Bồ-tát thứ năm, thì phải dùng mười tâm tịnh, sâu sắc bình đẳng để nhập Địa thứ năm, mười tâm tịnh là?

- 1) Tâm tịnh sâu sắc, bình đẳng của pháp Phật quá khứ.
- 2) Pháp Phật ở vị lai.
- 3) Pháp Phật hiện tại.
- 4) Giới tịnh.
- 5) Tâm tịnh.
- 6) Dứt kiến, nghi, hối, tịnh.
- 7) Trí đạo, phi đạo tịnh.
- 8) Hành đạo, trí tịnh.
- 9) Tịnh thượng thượng, so lường tất cả pháp Bồ-đề phần.
- 10) Tâm tịnh sâu sắc bình đẳng hóa độ chúng sinh tịnh.

Luận rằng “Đối trị mạn vượt hơn, nghĩa là mười tâm tịnh sâu sắc, bình đẳng vì đồng nghĩ đến tâm không lui sụt, nên ở trước đã nói giải pháp đối trị ngạo mạn. Nay, trong Địa này nói thân tịnh, đối trị với mạn phân biệt, cho đến giải thích rộng.”

Giải thích “ở Tứ Địa, tự cho rằng mình được sinh vào nhà Phật vượt hơn Tịnh, vì được pháp nội tịnh của phẩm Đạo kia, nên khởi ngạo

mạn Thân tịnh, chính là che lấp nghĩa bình đẳng của Pháp thân. Nay, tu bình đẳng, chính là trị tâm kia.”

Ba tâm trước trong mười tâm này quán Pháp thân, tu tâm bình đẳng, dứt trừ ngạo mạn khởi trên nội pháp của phần đạo lợi mình, lợi người mà nhà Phật đã được.

Trong đây, Pháp sư Cảnh, Cơ đồng giải thích rằng “Nói là Vô đẳng giác, nghĩa là giác biết tất cả công đức của Phật ba đời, tất cả pháp bình đẳng, Phật là đáng không ai bằng, giác ngộ không có ai bằng này gọi là Vô Đẳng giác, do Phật ba đời tức là ba bình đẳng, tức không có ngang bằng với không có bình đẳng.”

Nói ngang đồng với các giác, tức là sáu thứ kế thuận theo Pháp của Chư Phật ngang bằng với giác của ba đời là nhân, nên nói là ngang bằng với các giác. Dù có sáu thứ, nhưng chủ yếu gồm có ba, cái gọi là ba học: Một học đầu là giới, một học kế là định, bốn học sau là tuệ. Dù chia ra bảy, cái gọi là bảy tịnh:

1/ Giới tịnh.

2/ Định tịnh.

3/ Kiến tịnh, trừ Thân kiến.

4/ Độ nghi tịnh, trừ nghi.

5/ Đạo, phi đạo tịnh, trừ giới thủ.

Năm thứ lớn, nhỏ trước này gọi là đồng; hai thứ sau, gọi là khác. Người Tiểu thừa.

6/ Hạnh tịnh.

7/ Hành đoạn tịnh, do người Tiểu thừa thú hưởng Diệt tận.

Người Đại thừa: Thứ sáu, gọi là Hành đoạn, thứ bảy gọi là so lường tịnh thượng thượng của pháp Bồ-đề phần, do dựa vào sự đoạn kia vượt qua sự mong cầu vượt hơn trong Đại thừa. Như bảy tịnh này tức sáu bình đẳng, do hợp với độ hai Nghi, Kiến làm một, vì độ Nghi Kiến bình đẳng.

Nếu y theo địa vị để nói, thì giới, định ở trước Kiến đạo, ba thứ kế, ở Kiến đạo, hai thứ sau, ở Tu đạo.

Nếu vượt qua các cõi hữu tình khác, tức là tâm tịnh sâu sắc bình đẳng, giáo hóa chúng sinh tịnh. Đấng Đại bi giáo hóa, đem lại lợi ích cho chúng sinh vượt qua người Nhị thừa, phàm phu v.v.... Chín thứ trước trong mười thứ này là lợi mình, một thứ sau là lợi người.

Nói “và các pháp, như bình đẳng kia”, nghĩa là giải thích từ ngữ bình đẳng, tương đương với Địa luận rằng “Do tâm được thanh tịnh trong bình đẳng, nên gọi là tâm tịnh sâu sắc bình đẳng.” Nếu theo Lu-

ận sư Trắc thì nói là Vô Đẳng giác, ngang bằng với các giác, là ba câu trước trong kinh, là pháp của Chư Phật.”

Nói “Kể cả các pháp như bình đẳng kia, là bảy câu sau trong kinh, là thuận theo pháp của Chư Phật.”

Nói về khéo quán Đế. Rằng, thường mong cầu tánh cao siêu của trí, nghĩa là trụ trong Ngũ Địa, phần nhiều mong cầu trí quán các Đế.

Đối với bốn Thánh đế, đến “nên biết tướng của Đế kia”: nghĩa là y theo kinh này có mười bốn Đế. Bốn là gốc, mười là ngọn. Ngọn, giải thích gốc, bốn chẳng phải có pháp riêng. Mười Đế là:

- Thế đế.
- Đệ nhất nghĩa đế.
- Tướng đế.
- Sai biệt đế.
- Thuyết đế.
- Sự đế.
- Sinh khởi đế.
- Tận Vô sinh đế.
- Nhập đạo đế.
- Các Địa Bồ-tát khởi trí đế của Phật.

Hai đế đầu là hai Đế Chân, Tục. Bốn Đế kế là, gọi là khổ đế; một đế kế là, gọi là Tập đế; một đế kế là gọi là Diệt đế; hai đế sau, gọi là Đạo đế.

Chín trí trước giáo hóa người Tiểu thừa, một trí sau, giáo hóa người Đại thừa. Kinh ấy đã nói rộng, trong đây chỉ nói nghĩa sơ lược, rằng dựa vào hiểu biết rõ người khác cho đến “gọi là thuyết như thế. Nghĩa là dựa vào làm cho người khác hiểu biết v.v.... Ba trí đầu, Pháp sư Huyền Trang có hai giải thích: Dựa vào làm cho người hiểu rõ thì đây là câu một, nghĩa là dùng bốn Thánh đế để giáo hóa người Nhị thừa, nên nói là “tha” (khác). Dựa vào tự nội trí, đây là câu thứ hai, nghĩa là dùng trí này giáo hóa chúng sinh mang chủng tánh Đại thừa. Chúng sinh của chủng tánh Đại thừa là tự thừa của Phật, nên gọi là dựa vào tự nội trí. Dựa vào đều có nơi chốn, đây là câu thứ ba. Nghĩa là hai trí trước là Biệt giáo, đây là câu một, là Tổng giáo. Hai Đại thừa, Tiểu vì những người chung, riêng của hai thừa này nói bốn Đế, gọi là thuyết này.”

Lại, giải thích “Ba câu đầu tức ba lần xoay bánh xe pháp, dựa vào sự làm cho người hiểu biết là thị hiện chuyển tướng, nghĩa là bảo cho người khác biết rõ đây là khổ”, cho đến “đây là đạo”. Dựa vào tự nội trí là tướng chứng chuyển, rằng “Nỗi khổ này ta đã biết”, cho đến “đạo

này ta đã tu”. Dựa vào xứ sở đều có, nghĩa là khuyến chuyển, nghĩa là bảo rằng “Nỗi khổ này ta đã biết, ông nên biết”, cho đến “Đạo này ta đã tu, ông nên tu.” Vì ba chuyển này, nên gọi là thuyết này, tức là ba hành tướng.”

Kế là ba tạng, kế kinh là kinh, Điều phục, là Tỳ-nại-da, là Luật Bản Mẫu là Ma-đát-lý-ca, là luận do ba Tạng này, nên ta nói bốn Đế, gọi là “do thuyết này”. Vì khắp ba thứ trước, nên hợp thành sáu thứ. Dựa vào tự tánh của mọi nỗi khổ trong hiện tại là khổ đế, dựa vào nhân của nỗi khổ ở vị lai, sinh ra tánh là Tập đế. Dựa vào nhân hết, nỗi khổ kia hết, không có sinh, là Diệt đế, tức nhân diệt hết, quả diệt hết. Dựa vào sự tu tập tánh của phương tiện dứt kia là Đạo đế. Nói Bốn đế như thế, gọi là “thuyết như thế”, tức là mười hành tướng.”

Luận sư Trắc nói “Hiểu rõ người khác, tức chín trí trước trong mười tướng trí mà Địa luận đã nói, là tạo ra trí của người Tiểu thừa. Đối với “Đại”, gọi là “tha”.

Dựa vào tự nội trí, là một trí sau. Đối với “Tiểu” gọi là “tự”. Trí của hai câu này, tức trí của mười tướng.

Dựa vào đều có nơi chốn. Nghĩa là trí bốn Đế bao gồm chung tự, tha, gọi là “câu”. Vì ba câu này nói hai môn trí.

Dựa vào kế kinh v.v.... Nghĩa là trí của ba câu này do ba Tạng giáo, nên nói. Dựa vào tự tánh của các khổ ở hiện tại, đây là cảnh sở duyên của hai môn trí.

Như thuyết này nói, nghĩa là đạo lý bốn Đế này có thật, không có thật, tánh tướng thường trú, pháp thật, phân biệt trí quán, tức là sự khác nhau giữa bốn Đế này, nói là mười Đế, là phương tiện trí giáo hóa chúng sinh.

“Như thế, Bồ-tát khéo léo đối với Đế...” trở xuống, là thứ ba, nói về phá hoại các hành, thương xót hữu tình. Dùng tuệ để hủy hoại chính đáng. Địa kinh nói “Biết như thật tất cả hành vi đều là luống dối.”

“Hoặc phạm phu nhiếp thọ cho đến “tâm phát chánh nguyện”, là câu thứ tư.

Và, “Tức đối với hữu tình kia, cho đến “đều thành thực”, là câu thứ năm.

Và, tức dùng ý lạc, chánh nguyện kia làm chủ thể nhiếp, chánh niệm, tuệ hạnh v.v... là đối tượng tu, khởi niệm, tuệ, tầm, quý v.v.... Vì niệm, tuệ trong các đức thù thắng ở ngay lúc đầu, nên nói Niệm, Tuệ là thượng thủ.

“Các tác ý, cho đến “thành thực hữu tình” là câu thứ sáu.

“Như khế kinh nói...” trở xuống, là thứ bảy, nói về dẫn phát nghiệp công xảo thế gian, trong đó chia làm hai:

- 1) Nói chung về nguyên nhân dẫn phát.
- 2) Kết luận.

Trong phần trước có mười hai câu. Câu đầu là chung, mười một câu sau là giải thích riêng.

Sở dĩ khéo về năm luận, là nói có thể lợi ích hữu tình, viết chép, biện luận, in ấn, toán số v.v..., nghĩa là những loại sách này có bốn thứ chương đối trị, bốn chương đó là:

1) Chương quên trong việc đã sử dụng: Lấy cho, gửi gắm, dặn dò, nghe pháp, tư duy nghĩa, những việc làm, không làm; việc đã làm, chưa làm, việc nên làm, không nên làm. Đây là đối trị với loại sách cũ.

2) Chương tà kiến, trí nhu, dùng Nhân Luân, Thịnh luận để đối trị hai thứ luận cũ này.

3) Chương vật đã lấy, không giữ gìn. Đây là đối trị in ấn cũ.

4) Chương lấy, cho, sinh nghi. Đây là đối trị toán số cũ. Số là một với một là hai, hai với hai là bốn, như thế v.v.... Toán là từ mười ngang, như thế v.v....

“Ngoài ra, tất cả...” trở xuống, là thứ tám, nói về thiện căn thanh tịnh.

Vật báu Mâu-Bà-La: ở đây nói là báu Mã não, nghĩa là Địa trước, ở trên vàng, đã thêm Mạt-Ni Bảo. Nay, Địa này lại thêm báu mã não.

“Thọ sinh, thường làm v.v... trở xuống là thứ chín nói về thọ sanh.

San-Đô-Sử-Đa, Hán dịch là Hỷ túc, đây là gồm thâu quả của tại gia trong quả báo. Nếu ở trong loài người, cũng có quả của xuất gia.

Sở dĩ oai lực, phải biết đây là nói số ngàn câu chi, là câu thứ mười.

Trong Duyên khởi tương ứng với tăng thượng tuệ trụ, gồm có câu hỏi, giải thích, kết.

Trong phần giải thích có mười:

Đầu tiên, nói về mười pháp thành tựu, viên mãn, được nhập Trụ này, như Địa kinh nói “Phải dùng mười pháp bình đẳng mới được nhập Địa thứ sáu. Mười pháp đó là:

1) Tất cả pháp vô tướng bình đẳng, cho đến nói rộng. Nay, trong đây nói “Đối với tất cả pháp, do có tự tánh thắng nghĩa, vì tánh bình đẳng, cho đến “có”, “không”, chẳng hai, vì tánh bình đẳng nên ngang bằng. Như Luận Địa Trì bản cựu dịch nói “Có số một, hai v.v... là dùng

số để nêu danh luận này có mười một chữ “có”, không thể thêm. Và lại, theo bản dịch xưa nói “Số một là tự tánh bình đẳng của nghĩa đệ nhất, hợp với thứ nhất trong đây, là tánh bình đẳng vô tướng của tự tánh Thắng nghĩa, tức hợp với Vô tướng bình đẳng của tự tánh tất cả pháp bậc nhất của kinh. Ý trong đây nói là do “duyên” lý Thắng nghĩa, nên tất cả pháp bình đẳng. Như Bản dịch xưa quyển hai nói “Không có lời nói, thực hành vô tướng bình đẳng, hợp với nay nói rằng “lời nói, tạo tác, ảnh tượng, tánh bình đẳng vô tướng, hợp với kinh nói “Vô tướng bình đẳng thứ hai.” Trong đây Ý nói “Tất cả lời nói, tạo tác, ảnh tượng v.v... đều do tướng khởi.” Nay, tướng này cũng là không, không có tướng bình đẳng. Về lý, vốn là vô tướng, vì “có” là do giả đối sinh ra, như bản dịch xưa nói ba là vô sinh bình đẳng, hợp với nay nói “Tức do tướng này tự nhiên bất sinh, vì tánh bình đẳng”, hợp với kinh nói “Vô sinh bình đẳng.” Luận sư Cảnh nói “Tức ở trước dựa vào pháp nhân sinh, nên gọi là Vô sinh bình đẳng.”

Pháp sư Khuy Cơ giải thích “Ý ở đây cho tức do tâm tướng này là không nên tự nhiên không có khổ sinh ra. Lại, tức do đây, đối với lời nói, tạo tác, vì tánh y tha bình đẳng, nên chấp có tự nhiên sinh, Tự nhiên bất sinh này chỉ là nhân duyên sanh nên nói Vô sinh bình đẳng, không có tự nhiên sinh.”

Giải thích trước là hơn. Như bản dịch xưa nói “Bốn là nhân duyên không vượt qua bình đẳng, thích hợp với nhân này cũng là bất sinh, vì tánh bình đẳng, thích hợp với kinh nói rằng “Không có thành bình đẳng.” Nay, lại nói rằng “Vì lẽ tự nhiên với nhân đều bất sinh”, nghĩa là nêu cả hai câu trước, để khởi sau.” kinh nói “Không có thành bình đẳng, Sở rằng “Do Vô sinh, nên cũng không có tánh khổ, trở thành khởi hiện ở trước.”

Ngài Tam Tạng nói “Nhân là “năng thành”, quả là sở thành (đối tượng thành). Chấp có Tự Tại thiên v.v... là nhân. Nhân đã không thể sinh, nên nói là không thành bình đẳng, bởi vì từ nhân duyên sinh, nên tự nhiên với nhân đều bất sinh, nghĩa là chấp có trời Tự Tại v.v... làm nhân sinh ra đều bất thành.”

Pháp sư Khuy Cơ lại giải thích “Sinh bất bình đẳng trước, nghĩa là tâm tướng tạo tác vì đồng đẳng không có nên nổi khổ tự nhiên bất sinh, chứ chẳng phải chỉ tự nhiên bất sinh. Nay, vì nhân cũng là không, nên không thành bình đẳng. Tự nhiên với nhân đều bất sinh, nghĩa là hai lớp giải thích lại nghĩa quả, nhân đều sinh, tức “bất sinh” thứ ba “không thành bình đẳng” thứ tư. Như bản dịch xưa nói rằng “Thứ năm, rốt ráo

vắng lặng, bình đẳng thích hợp với nay nói “Tánh bình đẳng rốt ráo vốn vắng lặng.”

Kinh chép: “Vắng lặng, bình đẳng thứ năm.” Y trong đây nói rằng “Vì tạp nhiễm xưa nay vắng lặng.” Nếu theo giải thích của Pháp sư Khuy Cơ thì, thứ sáu là trí “năng soi rọi.” Thứ năm, thứ sáu đều y theo Chân như để nói.”

Ngài Tam Tạng triển khai câu một “rốt ráo vốn vắng lặng, vì tánh bình đẳng, thành bình đẳng vắng lặng, bình đẳng vốn tịnh thứ năm, thứ sáu. Kế là, câu dưới phân tích là bình đẳng thứ bảy v.v....”

Hỏi “Hai câu đầu khác nhau thế nào?”

Như Bản dịch xưa giải thích “Câu thứ năm, lia nhân nhiễm, do câu thứ tư, thứ ba lia quả nhiễm. Nay, câu thứ sáu là nói lia tướng tịnh đối trị với Diệt. Nay, sao lại giải thích riêng, nói lời “rốt ráo vắng lặng” đều là đúng?”

Một câu vắng lặng, bình đẳng thứ năm của bản dịch xưa chính là Chân như. Dưới đây, sự của thể hiện hữu, có thể lấy Chánh trí lia các hí luận làm tánh bình đẳng, thích ứng với “lia các giả đối, bình đẳng” của bản dịch xưa. Vốn thanh tịnh bình đẳng của bản dịch xưa tức là Chánh trí lia hí luận luống đối.”

Hỏi “Như đoạn văn của Bản dịch xưa có thể thông suốt, như kinh nói “Vốn tịnh tức Chân như”, thì làm sao hiểu? Vì câu thứ sáu này là Chánh trí?”

Nghĩa là “Như kinh nên cũng là Chánh trí, vì soi rọi “vốn vắng lặng”, nên gọi là “Bản tịch”, chứ chẳng phải thể là “Bản tịch”.

Lại giải thích “Một câu sự v.v... của Thể hiện hữu này là câu thứ bảy của kinh. “Không có hí luận bình đẳng” tương xứng với câu thứ tám của bản dịch xưa, tức là Chánh trí. Câu thứ năm, thứ sáu của kinh đó rốt ráo bản tịch như trước đã chia ra.”

Luận sư Cảnh nói “Cũng đồng như bản dịch xưa nói rằng “Câu thứ sáu, lia các giả đối, bình đẳng”, thích ứng với câu thứ sáu của kinh rằng “Bản tịch, bình đẳng.” trong đây ý nói “Thể, tướng Chân như thường thanh tịnh, nên nêu trí “năng chứng” để làm rõ. Như Bản dịch xưa chép “Câu thứ bảy, bình đẳng không có lấy, bỏ”, thích ứng với nay, xa lia tất cả lấy, bỏ, tạo tác, vì tánh bình đẳng.”

Câu thứ bảy của bản dịch xưa “Tất cả pháp không có hí luận, bình đẳng.” Pháp sư Cơ nói “Xa lia tất cả lấy, bỏ, tạo tác, vì tánh bình đẳng, tức mọi khổ tạp nhiễm phiền não này, lia trói buộc, giải thoát, vì tánh bình đẳng, thích hợp với câu bảy: lấy, bỏ, bình đẳng của Luận Địa Trì,

hợp với câu thứ tám, bình đẳng không có lấy, bỏ của kinh.”

Nếu y theo kinh, dùng làm rớt ráo bản tịch làm hai thứ vượt hơn. Nếu hợp thành một thứ, thì chia chữ “có” này thành hai. Tuy nhiên, không dựa vào văn kinh, vì ý trong đây nói là các khổ phiền não vì được giải thoát, nên tất cả lấy, bỏ đều bình đẳng. Như bản dịch xưa nói “Thứ tám, tất cả pháp lìa bình đẳng”, tương đương với nay nói “Tức mọi khổ tạp nhiễm phiền não, lìa trói buộc, giải thoát, vì tánh bình đẳng.”

Kinh nói câu thứ tám “Tất cả pháp không có lấy, bỏ, bình đẳng.” Đại ý trong câu này nói là đối với pháp nhiễm, tịnh, vì không có tướng mạo lấy, bỏ, nên bình đẳng.”

Pháp sư Cảnh nói “Một” lần lại nữa này, Địa kinh không có. Như bản dịch xưa nói “Cảnh giới vọng tưởng thứ chín như huyễn, như hóa, bình đẳng”, thích hợp với nay nói “Tự tánh của cảnh giới phân biệt sở chấp, như huyễn, hóa v.v..., vì tánh bình đẳng.”

Kinh nói “thứ chín, tất cả pháp như huyễn mộng, ảnh, tiếng vang, mặt trăng đáy nước, hình tượng trong gương, ánh lửa, biến hóa, đều bình đẳng.” Ý trong đây nói là ngã, ngã sở, thật ra chẳng thật có, cho nên bình đẳng. Như bản dịch xưa nói “Thứ mười, Cảnh giới vọng tưởng “có”, “không”, “không có hai”, bình đẳng”, thích hợp với trong đây nói “Đối tượng hiện hành của trí Vô phân biệt, “có”, “không”, “chẳng hai”, vì tánh bình đẳng, Kinh nói tất cả pháp bậc nhất hữu vô không hai, vì là bình đẳng. Ý cho rằng hoặc thành, hoặc hoại, không có hai tướng.”

“Như thế, Bồ-tát trụ trong trụ này...” trở xuống, là thứ hai, nói về giác ngộ duyên khởi, sinh môn giải thoát.

Dùng tất cả thứ duyên khởi chánh quán, quán sát biết rõ, nghĩa là như Địa kinh nói “Mười lượt quán pháp nhân duyên nhóm họp lại, cái gọi là nhân duyên, vì chia ra thứ lớp, vì thuộc về nhất tâm, do tự nghiệp thành, vì không lìa bỏ, nhau, vì ba đạo không dứt, vì quán mé trước, sau vì ba khổ nhóm họp, vì nhân duyên sinh, vì nhân sinh, diệt, ràng buộc và thuận theo quán có cùng tận. Như kinh, luận kia giải thích rộng.”

Nói Nhất thiết chủng chánh quán dựa vào trí duyên khởi, có thể dẫn phát ba môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện, nghĩa là quán duyên khởi, vì sinh, diệt, vì Vô ngã, nên là hạnh “Không”. Do có đạo lý sinh diệt Vô thường trôi lăn và đoạn, vì được vô vi, nên gọi là Hạnh “Vô tướng”. Do hữu lậu hữu vi này rất có thể nhằm chán hư hoại, vì không nảy sinh hy vọng, mong cầu, nên gọi là Vô nguyện, là ý trong đây.

“Do nhân duyên này...” trở xuống, là câu “tất cả tà trưởng không hiện hành” thứ ba. “Như thế, Bồ-tát khéo léo đối với thẳng nghĩa, đến

tất cho đến cả hữu vi” là câu “Phương tiện nhiếp thọ sinh, tử” thứ tư. Nghĩa là Bồ-tát vì khéo thấu suốt Chân như, nên xót thương hữu tình. Vì biết phiền não trói buộc, vì các duyên hợp, nên lia ngã, ngã sở và các nhiễm ô, không lia các duyên phiền não tụ hợp mà có sự trói buộc hữu tình riêng. Vì biết như vậy, nên không bỏ sinh, tử, trụ ở Niết-bàn. Vì thương xót hữu tình, thành thử không nên diệt hẳn tất cả hữu vi, nhập Bát Niết-bàn, nên vào sinh, tử giáo hóa hữu tình, là ý trong đây.

“Như thế, cho đến “mà cũng không trụ”, là câu “trí vô trước hiện tiền” thứ năm. kinh rằng “Bồ-tát thực hiện quán như thế xong, vì khởi Đại bi, nên không bỏ tất cả chúng sinh, tức thì được môn Vô ngại trí hiện ở trước, gọi là hành Bát-nhã Ba-la-mật, sáng suốt hiện tiền. Bồ-tát này thành tựu hạnh Bát-nhã Ba-la-mật như thế, ánh sáng hiện hành ra. Soi chiếu, vì đầy đủ nhân duyên giúp đỡ Bồ-đề phần, mà không trụ chung với pháp hữu vi với tánh tướng vắng lặng, cũng không trụ trong đó, mà vì muốn đầy đủ pháp phần Vô thượng Bồ-đề.”

Luận nói: “Trí không có chướng ngại, nghĩa là trí Như lai. Nhưng vì trí này chưa thành thực, nên gọi là ánh sáng hiện ở trước.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Vị trí Vô trước hiện ở trước, nên không nhiễm sinh, tử. Vì trí Bát-nhã hiện tiền, nên không nhập Niết-bàn. Trước, nói là Chánh trí, sau, nói là Trí hậu đắc. Lại, đều có chung hai trí, lại, y theo hai công hạnh Bi, Trí, khác nhau.”

Nói “Lại, tức trụ này có Nhẫn v.v... mạnh mẽ, nhạy bén, nghĩa là như kinh nói “Bồ-tát trụ hiện tiền Địa, hạnh Bát-nhã tăng thượng, thành thực, được Đảnh, Nhẫn, thứ ba, thuận theo pháp như thật, không có trái, nghịch.”

Luận sư Trắc nói: “Đây tức đối với Nhẫn phẩm thượng của phương tiện trước thứ bảy. “Như thế, cho đến “Phải biết như thế”, là thứ sáu, chứng đắc Vô lượng Tam-ma-địa.” Như kinh nói rằng “Bồ-tát này trụ Địa này, được Tín không tam-muội, cho đến ly bất ly không tam-muội thứ mười, là Bồ-tát này được mười môn Không tam-muội như thế, đứng hàng đầu một trăm, ngàn, muôn môn “Không tam-muội” hiện ở trước. Hai tam-muội khác cũng vậy. “Do đây, cho đến ý lạc không hư hoại”, là câu thứ bảy. Như kinh nói “Bồ-tát trụ ở Địa này, lại chuyển biến đầy đủ tâm không hư hoại, tâm quyết định, cho đến đầy đủ tâm hạnh của trí phương tiện thứ mười.”

Nói về tâm không hư hoại, nghĩa là vững chắc không lui sụt. Tâm không hư hoại này có chín thứ:

1) Tín quán không hư hoại, như kinh nói “Vì tâm quyết định.” Cho

đến thứ chín, công hạnh giáo hóa chúng sinh không hư hoại, như kinh nói “Vì đầy đủ tâm hạnh của trí phương tiện.”

Đối với Nhất thiết chủng, cho đến không thể dẫn đạo, là thứ tám, đối với Thánh giáo của Chư Phật, không thể dẫn đạo.

Pháp sư Khuy Cơ giải thích rằng “Vì sao Sơ địa ở trước chẳng phải “dẫn tha”, nay lại nói về? Sơ địa ở trước với nghĩa đầy đủ. Nghĩa là giáo của Chân như chẳng phải là “tha dẫn”, hoặc tất cả giáo chẳng phải “tha dẫn”. Nay, ở đây đối với nhất thiết chủng Thánh giáo chẳng phải là “tha dẫn”, chẳng phải “tha dẫn” trong tướng riêng. Nay ở đây đối với Thánh giáo của Nhất thiết chủng chẳng phải tha dẫn, trong tướng riêng chẳng phải tha dẫn.

“Pháp khác, như thuyết trước đã nói...” trở xuống, là câu thiện căn thanh tịnh thứ chín. Nay, ngọc báu lưu ly trong địa này là trang sức trên vàng ở trước, tức tất cả Địa y cứ theo trước, phải biết.”

Nói bốn phong luân, nghĩa là hoặc bốn phương.

“Thọ sinh, phần nhiều tạo ra...” trở xuống, là thứ mười, một câu thứ mười rất dễ hiểu.

Trong “có gia hạnh, có công dụng, vô tướng trụ, gồm có: hỏi, giải thích, và kết.”

Trong phần giải thích có mười hai. Đầu tiên, nói về Tuệ mẫu nhiệm đã dẫn phát Thắng hạnh Tiến đạo, thành tựu, viên mãn, được nhập trụ này, đã được mười thứ phương tiện tuệ khéo léo. Tuệ này tức là phương tiện nhập trụ đã dẫn thế gian không chung với tất cả hữu tình, mà là đối với tấn đạo, thắng hạnh của tất cả thế gian.

Pháp sư Cảnh nói “Vì hạnh tùy theo thế gian, nên là chung. Vì pháp thế không nhiễm, nên gọi là không chung.”

Hướng đến cầu Địa kia, gọi là Tiến đạo. Học hạnh của Địa sau, gọi là Thắng hạnh.

Pháp sư Khuy Cơ nói “Tiến đạo, Thắng hạnh này tạo ra có hành tướng, tướng duyên sự có sai khác, nên gọi là thế gian, vì chẳng bị ràng buộc bởi nghiệp phiền não, nên gọi là không chung, vì thế là Vô lậu, do có tướng, nên cũng gọi là chung. Vì điều mà hữu tình không thể thực hành, nên gọi là không chung. Vì tạo ra tướng duyên sự, nên gọi là chung.”

Luận sư Trắc nói “Do trí không trụ sinh, từ nên gọi là không chung. Do Bi không nhập Niết-bàn, nên gọi là chung.

“Như kinh nói rộng” nên biết tướng chung v.v..., nghĩa là Địa kinh nói “Bồ-tát khéo đầy đủ công hạnh của Lục Địa xong, muốn nhập Địa

thứ bảy, phải dùng mười thứ chi trí phương tiện, khởi hạnh thù thắng để nhập. Mười phương tiện ấy là gì? Cho đến nói rộng.

Luận chủ gom mười thành bốn:

- 1) Gọi là sự nhân của thân của mạng, tài sản.
- 2) Gọi là sự nhân ngăn dứt điều ác.
- 3) Gọi là sự nhân giữ gìn việc thiện.
- 4) Bảy thứ sau, gọi là sự của nhân hóa sinh.

Nay, trong đây nói “dựa vào chủ thể nhiếp thọ phước đức hưng thịnh của thế gian, ý nói là dựa vào chủ thể khởi sự của nhân hưng thịnh thế gian, nhiếp thọ phước đức của hạnh Bồ-tát, tức thứ nhất sự nhân của thân, của. kinh nói “Khéo tu không, Vô tướng, Vô nguyện mà nhóm họp công đức lớn để giúp Đạo.”

2) Dựa vào ý lạc tăng thượng, đem lại lợi ích yên vui cho hữu tình, nghĩa là đối với đa số hữu tình, mà khởi lên điều ác, nên hữu tình là nhân ác. Nay, do ý lạc tăng thượng của lợi ích yên vui đối với hữu tình kia, nên không khởi điều ác, tức là sự nhân của thủ hộ điều ác. kinh nói “Nhập các pháp vô ngã, vô thọ mạng vô chúng sinh, mà không bỏ, vì khởi bốn Vô lượng.

3) Dựa vào pháp Bồ-đề phân so lường, phước đức của Bồ-đề, thắng tất ở sau sau, nghĩa là vì chứng quả Bồ-đề, nên mau chóng nhóm họp so lường, tức sự của nhân thủ hộ điều thiện. kinh nói “khởi Pháp công đức, tạo ra công hạnh tăng thượng Ba-la-mật, mà không có pháp nào để chấp.”

4) Dựa vào Thanh văn, Độc giác không chung, tức là sự của nhân hóa sinh.

Nguyện lực thứ nhất trong bảy môn, là nhận lấy chúng sinh, thực hành hạnh giáo hóa chúng sinh là hàng đầu. kinh nói “Được xa lìa ba cõi mà có thể ứng, hóa, khởi công hạnh trang nghiêm ba cõi.”

5) Dựa vào cõi hữu tình, là môn thứ hai nói là đối trị. kinh nói “Niết-bàn rốt ráo vắng lặng, mà có thể vì tất cả chúng sinh khởi công hạnh Niết-bàn dứt tham, sân, si.”

6) Dựa vào các Pháp giới, là môn thứ ba, vì dứt trừ các chướng. kinh nói “Thuận theo huyễn, mộng, ảnh, tiếng vang, biến hóa, trăng đứng nước, hình tượng trong gương, tự tánh không hai, mà khởi Niết-bàn, vì vô lượng tâm sai khác.”

7) Dựa vào các thế giới, là môn thứ tư, đối với chúng hội của Pháp Đại thừa nhóm họp. kinh nói “Khéo biết tất cả cõi nước, đạo, như hư không, mà khởi hạnh trang nghiêm, thanh tịnh cõi nước Phật.”

8) Dựa vào thân trí của các Như lai, là môn thứ năm, thấy nghe, gần gũi, cúng dường, tu hành, sinh phước đức. kinh nói “Biết Pháp thân Phật, tự tánh không có thân mà khởi hạnh trang nghiêm tướng tốt của Sắc thân.”

9) Dựa vào trí ngữ của các Như lai, là môn thứ sáu, xoay bánh xe pháp.

kinh nói “Biết âm thanh của Chư Phật không có tiếng, xưa nay vắng lặng, không thể nói là tướng, mà tùy tất cả chúng sinh, khởi các thứ hạnh khác nhau để trang nghiêm âm thanh.”

10) Dựa vào tâm, trí của các Như lai, là môn thứ bảy, hỷ, và khéo giải thích.

kinh nói “Nhập Chư Phật ở trong một khoảnh ý niệm, thông suốt sự việc ba đời, mà có thể phân biệt các tướng, số kiếp tu hành, tùy quán tâm sai khác của tất cả chúng sinh.”

“Bồ-tát vì tương ứng chung với Chư Phật kia...” trở xuống, là phần thứ hai, thấu suốt cảnh giới của Như lai, khởi gia hạnh Vô gián khuyết. “Từ đầu cho đến” cảnh giới của Như lai”, nghĩa là vì tương ứng chung với mười thứ tuệ phương tiện mẫu nhiệm ở trước, có thể thấu suốt tất cả cảnh giới của Như lai, do chỗ mà tuệ ở trước đã hiện hành là cảnh giới Phật.

Nói “Và vì hữu tình kia, khởi Vô tướng v.v... không có công dụng, cho đến “không xa lìa đạo”, Luận sư Cảnh nói “Trong Bát Địa, vì Chân quán, vô công dụng, nên nói là Vô tướng không có dụng công, vô phân biệt. Tục quán vẫn có công dụng, rất dễ hiểu Tục đế cũng như huyễn, hóa, nên nói là không có phân biệt khác.

Bát Địa quán cảnh giới của hai Đế kia, gọi là quán Vô lượng cảnh giới Phật. Hai quán chỉ khởi danh, khởi Vô gián. Nhưng quán Chân, Tục, còn gọi là “không có thiếu” (Vô khuyết).

Nay, Bồ-tát Thất Địa, vì khởi hạnh quán như thế của Bát Địa, nên tinh tấn, siêng năng tu học tất cả oai nghi, hoặc đi, hoặc đứng, thường tác ý luôn, không xa lìa đạo trong tất cả địa vị.

Pháp sư Khuy Cơ nói “Lại, vì cảnh giới Phật, nên khởi Vô tướng vô công dụng, không có phân biệt biến kế chấp. Vô lượng Trí hậu đặc y tha phân biệt, quán cảnh giới của Chư Phật, khởi Vô gián khuyết. Thường tinh tấn, siêng năng tu học tất cả oai nghi đi, đứng, không lìa tâm, miệng, thân mà thực hành hạnh này, là đạo không xa lìa công hạnh của tất cả phần vị.

Vô tướng vô công dụng này, quán cảnh giới Phật là Đạo. Tác ý đi,

đứng trong oai nghi, tất cả phần vị đều không xa lìa đạo. Cho nên, đoạn văn kết dưới đây nói rằng “Thấu suốt cảnh giới của đức Như lai, khởi Vô gián, Vô khuyết, vì siêng năng gia hạnh.”

“Bồ-tát kia, trong mỗi sát na tâm...” trở xuống, là thứ ba, nói về mỗi sát-na, chứng viên mãn tất cả pháp phần Bồ-đề. Địa kinh nói “Bồ-tát đối với Thập địa đều đầy đủ tất cả pháp trợ Bồ-đề phần, chỉ địa thứ bảy vì vượt hơn, nên được tên gọi, cho đến nói rộng. Nay, chính trong trụ thứ bảy này, phát khởi đầy đủ tất cả pháp Phật, chi giác viên mãn, trong Thất Địa, vì niệm niệm thường khởi mười Ba-la-mật, nên nói là đầy đủ chi giác viên mãn. Vì gia hạnh của Bồ-tát trụ này thuộc về công hạnh viên mãn, là công dụng rốt ráo.

Trí mầu nhiệm, tức là trí phương tiện. Công hạnh thần thông thanh tịnh, nghĩa là dẫn phát công hạnh thù thắng của thế gian, lia tướng tu tập, gọi là thanh tịnh, có thể nhập Trụ thứ tám, nghĩa là hạnh công dụng cuối cùng được nhập địa vị vô công dụng của Bát Địa. Nếu theo giải thích của Luận sư Trắc v.v..., thì từ gia hạnh của Bồ-tát Trụ này, vì công hạnh viên mãn, nên cuối cùng có thể là lý do nhập trụ thứ tám.

Phán quyết là câu thứ tư có gia hạnh, thuộc về công hạnh viên mãn.

Từ “Do Bồ-tát này...” trở xuống, là thuộc về câu thứ năm. Nay, lấy đoạn văn sắp xếp của Luận sư Cảnh vì thuận với đoạn văn kết ở dưới “Do Bồ-tát này trụ Vô gián này v.v...” trở xuống, là thứ tư, nói về an lập nhiễm ô, không nhiễm ô, nghĩa là vì Địa thứ tám không có công dụng, nên hoàn toàn thanh tịnh. Thất Địa vì có công dụng, nên gọi là tạp nhiễm. Địa thứ bảy này được Vô tướng là vì Địa thứ tám dẫn đường trước, nên gọi là bất nhiễm, chưa được Vô tướng căn bản, vẫn còn có công dụng, có đối tượng mong cầu, vì chưa thể nhập vận vô tướng, nên rơi vào tạp nhiễm.

Nay, “Trong trụ này...” trở xuống, là thứ năm, nói về câu có gia hạnh, thuộc về công hạnh viên mãn. Như Địa kinh nói “Bồ-tát trụ trong địa Viễn hành, nên không gọi là có phiền não. Vì ham cầu trí Tuệ của đức Như lai, vì chưa đầy đủ, nên chẳng gọi là không có phiền não. Pháp sư Cảnh nói “Tu dứt hai phẩm thượng trung phiền não ở trong Kiến đạo đã chế phục không hiện hành. Vì chúng sinh, nên Thất Địa trở xuống vẫn khởi, lúc phiền não phẩm hạ lại hiện hành. Thì nay, nói phiền não hàng đầu như tham v.v... đều dứt trừ. Y cứ vào thời gian nhập quán trong Thất Địa, thì nhiều, thời gian xuất quán khởi “hoặc” thì rất ít. Lấy theo đa số, nên nói tham v.v... đều dứt trừ.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Trụ này, đều dứt trừ tất cả tham v.v.... Y theo tâm viên mãn của Địa, chứ chẳng phải tâm của Bát Địa đoạn. Như thế, hoặc như luận Phật Địa tự phải phân biệt. Phải biết trụ này chẳng có phiền não...” trở xuống, giải thích rằng “tất cả phiền não vì không hiện hành, nên Địa được nói là viên mãn.”

Như giải thích trước, chẳng phải lìa phiền não...” trở xuống, giải thích rằng “Cầu trí Phật chưa được. Do có ái tương tự Bồ-đề Phật, vì còn chấp, nên chẳng phải lìa phiền não, do đó, đoạn văn kết dưới đây nói là có gia hạnh, vì công hạnh viên mãn.”

“Hành giả như thế...” trở xuống, là thứ sáu, nói về ba nghiệp thanh tịnh. Dựa vào ý lạc, nghiệp thanh tịnh chuyển sang biến nghiệp công xảo thế gian, đều được viên mãn, cho nên nói riêng.

Nghiệp công xảo trong địa thứ bảy viên-mãn, hễ là công xảo, kinh doanh tạo tác, thì công việc đã làm được hoàn thành.

Từ khi mới phát tâm, vì lợi ích cho chúng sinh, nên học các Công xảo, dựa vào cầu tài vật, nhằm thực hành cứu giúp cho, cho đến Thất địa đã học công xảo, mới bắt đầu thành tựu mẫu nhiệm, do công dụng của Địa thứ bảy rất ráo, vì công xảo hoàn thành viên mãn. Đức Phật khen thì làm, không khen thì không làm. Như thuyết của Tứ Địa nói “Ở trụ thứ năm đã được công xảo. Nay, đến Thất Địa, chuyển biến được viên mãn, cho nên, cả thế giới Tam thiên đều thừa nhận chung là bậc Thầy. Đại khái không nói là trừ Bồ-tát đẳng vị, vì Bồ-tát Đẳng vị cũng không làm thầy lẫn nhau.

Các Tĩnh lực v.v... trong Địa thứ tám, như trụ Dị thực, không cần gia hạnh, nhậm vận hiện trước. Nay, trong Địa này chưa có thể nhậm vận. Như Dị thực trụ của Địa thứ tám, nên có công dụng. Cho nên, các Tĩnh lực v.v... mới có thể hiện tiền, do tương tu hành biểu hiện ở trước.

Luận Địa trì hơi khác với luận này. Tất cả Thiên định, Pháp Bồ-đề phần kia đều thể hiện ở tu mà không thọ báo pháp.

“Các Bồ-tát này...” trở xuống, là thứ bảy, nói theo kịp Tam-ma-địa không chung với Nhị thừa.

“Phương tiện như thế, cho đến môn Tam-ma-địa.” Địa kinh nói “Bồ-tát trụ, nhập trong Địa thứ bảy, được gọi là trí khéo lựa chọn tam-muội của Bồ-tát v.v..., đầy đủ, cho đến Bồ-tát là Đại trí thông môn như thế đứng hàng đầu mười tam-muội, có thể nhập trăm, ngàn tam-muội của Bồ-tát tịnh trí Địa này.”

Bản dịch xưa chép: “Bồ-tát ở trụ này, tư duy phương tiện nhập, khéo điều phục tam-muội, sinh trăm, muôn tam-muội. Bồ-tát như thế,

tất cả phiền não đều xa lìa, cho đến gia hạnh mạnh mẽ. Luận sư cảnh nói: Bồ tát Thất Địa do lìa các hoặc, tất cả phân biệt, ba nghiệp sở tùy thấy đều không hiện hành mà vẫn lìa bỏ tìm cầu Bồ-đề với gia hạnh mạnh mẽ.”

Pháp sư Khuy Cơ nói “Do có phân biệt nhỏ nhiệm, nên khó rất dễ hiểu rõ. Vì không có phân biệt thô, nên gọi là Vô tướng. Địa v.v... ở trước có phân biệt thô, gọi là có tướng. Các Địa này đều vì thuận phân biệt Bồ-đề, nên không lìa bỏ. Tu trị mẫu nhiệm, đã thể hiện rõ Vô sinh Pháp nhẫn, nghĩa là nhập lâu dài Chân quán Vô sinh pháp nhẫn, niệm niệm thêm sáng suốt, nên nói khéo tu Vô sinh Pháp nhẫn. Vô sinh Pháp nhẫn tức chánh chứng trí Vô phân biệt trí.

“Lại, các Bồ-tát...” trở xuống, là thứ tám, nói về niệm niệm có thể nhập Diệt định.

Trong trụ thứ sáu, đã nhập Diệt định. Nay, mỗi niệm trong trụ này đều có thể nhập. Pháp sư Cảnh nói “Chỉ nói trụ thứ sáu, không là năm trụ trước, là vì nêu sau để chỉ rõ trước. Từ Sơ địa về sáu, có xuất, quán nhập quán khác nhau, vì không thường Diệt định, nên nêu thứ sáu, so sánh chứng tỏ năm trụ trước cũng tạm nhập Diệt. Cũng có thể tướng của ba Địa trước đồng với thế gian, nên không nói được Diệt kia. Tướng của Tứ địa, Ngũ Địa, Lục Địa đều đồng với Nhị thừa. Tứ Địa, mới được vô lậu của phẩm đạo, ví như Sơ quả chưa được Diệt định. Bồ-tát Ngũ Địa, như thứ hai cũng chưa được Diệt định, cho nên nói riêng. Bồ-tát Địa được Vô sinh nhẫn, vì như A-la-hán, nên trong mỗi niệm thường nhập Diệt định.”

Hỏi “Nếu Thất Địa mỗi niệm thường nhập Diệt, thì tức là hai trí rốt ráo không hiện hành?”

Đáp “Y cứ ở khả năng có thể mỗi niệm nhập, chưa hẳn niệm niệm thường nhập diệt. Vì nếu y cứ Chân quán lìa tướng, giả gọi là Diệt định, tức niệm niệm nhập.”

Ngài Tam Tạng nói “Phương Tây có hai giải thích:

1) “Bát Địa trở lên, mới nhập Diệt định, Thất Địa trở xuống, Bồ-tát ngộ tức khắc, tức không thể nhập. Vì sao? Vì Thất Địa trở lại, vượt qua “hoặc” của ba cõi, mà hiện ở trước, nên không thể nhập. Nay, nói rằng “Trong Lục Địa, Thất Địa, có thể nhập Diệt định, nghĩa là y theo chánh thể trí tương ứng với định, vì thường “duyên” vắng lặng, nên gọi là định Diệt Tận, chứ chẳng phải định Diệt Tận trong hai mươi bốn Bát tướng ứng.”

2) Rằng “Sơ địa trở lên đều nhập Diệt định, nên kinh Lăng-già

chép: “Phật bảo Đại Tuệ! Từ Sơ Địa cho đến Lục Địa nhập định Diệt Tận, Thanh văn, Duyên giác cũng nhập Diệt định, cho đến Thanh văn, Duyên giác tức không được nhập. Bồ-tát Thất Địa, niệm niệm nhập Diệt định. Nay, nói rằng “Địa thứ sáu, vì được Vô Tướng, nên có thể chế phục phiền não. Có khả năng chế phục phiền não, có thể phá tướng nhập Diệt định.”

Lại, Tam Tạng nói rằng “Sáu Địa trở lên, do tạo nên Vô lượng gia hạnh, mới nhập Diệt định.”

Địa thứ bảy cũng do phương tiện muốn nhập liền nhập. Cho nên, giả thiết là nói có thể niệm niệm nhập, chứ chẳng phải cho rằng vì nghĩa tiếp nối nhau, nên gọi là niệm niệm. Vì sao? Vì Lục Địa trở lên, cũng có nhiều sát na nối tiếp nhập. Nhưng Bồ-tát này rất ít có nghiệp gửi gắm, đến có thể không tác chứng, nghĩa làm rõ lại Bồ-tát Thất Địa, thường nhập Chân quán trong cảnh thật tế, mà không tác chứng khởi công hạnh lợi tha.

“Bồ-tát kia do như thế...” trở xuống, là thứ chín, nói về hiện hành hạnh thế gian không chung của tất cả hữu tình.

Pháp sư Cảnh nói “Có thể thực hành tất cả công hạnh đồng với hữu tình, khác với công hạnh mâu nhiệm mà Bồ-tát đã thực hành, nên nói là không chung. Công hạnh mâu nhiệm của Bồ-tát dù đồng với thế gian nhưng chẳng phải là tánh của thế gian kia, như kinh nói rộng.”

Luận sư Trắc nói “Dù ở trong nhiễm mà không đắm nhiễm, nên gọi là không chung.” “Nghĩa chung trong đây...” trở xuống, phát ra công hạnh giống nhau, hiện đồng với hữu tình trong kinh đã chỉ dạy kia. Về nghĩa chung có tám:

- 1) Đồng với việc phước nghiệp.
- 2) Đồng với việc nhiếp thọ, thân thuộc, đồ chúng.
- 3) Đồng với việc phàm phu cầu thọ sinh.
- 4) Đồng với người mới phát tâm, phát khởi tiến đến cầu trụ ba giải thoát.
- 5) Đồng với việc tin ưa thừa hạ, vì điều phục người khác.
- 6) Đồng với sự khác nhau của thọ dụng các dục.
- 7) Đồng với việc ngoại đạo được Phật giúp cho quay trở lại.
- 8) Đồng với người đời, tùy chuyển tâm người khác, tùy chuyển đại chúng.

“Pháp khác như trước đã nói...” trở xuống, là thứ mười, nói về căn lành thanh tịnh.

“Thọ sinh, nhiều tạo tác...” trở xuống, là thứ mười một, hai oai lực

thọ sinh, lời văn rất dễ hiểu.

Pháp sư Khuy Cơ nói “Mười hai đoạn văn trong Địa này lại như đoạn kết, y cứ phối hợp mà biết.”

Có gia hạnh, vì thuộc về công hạnh viên mãn. Xét văn trên giống với đoạn kết diên đảo thứ tư.

Thứ tư phối hợp với thứ năm, thứ năm phối hợp với thứ tư. Ngài Tam Tạng nói “Thứ năm này có gia hạnh, thực hành viên mãn, tức là hôm nay, tất cả tham v.v... trong trụ này, đều dứt trừ. Do có gia hạnh, vì thực hành viên mãn, cho nên dứt trừ “hoặc” còn lại, lại dựa vào đoạn kết kể là, chứ chẳng phải pháp diên đảo.

Trong không có gia hạnh Vô tướng trụ, gồm có hỏi đáp, giải thích, kết.

Trong giải thích có mười một: Đầu tiên, là nói nhập đệ nhất nghĩa trí của tất cả pháp thành tựu viên mãn, được nhập trụ này.

Xét Địa kinh nói:

Nhập tất cả pháp xưa nay vô sinh.

Không có thành.

Không có tướng (Vô tướng).

Không có xuất (Vô xuất).

Không có mất (Vô thất).

Không có cùng tận (Vô tận).

Không hiện hành (Vô hành).

Chẳng phải có hữu tánh.

Đầu, giữa, sau bình đẳng.

Chân như vô phân biệt, nhập trí nhất thiết trí. Luận Trí Độ giải thích về Nhẫn kia ở trong bốn thứ Vô sinh, nên biết:

Sự Vô sinh.

Tự tánh Vô sinh.

Sắc sai khác Vô sinh.

Tác nghiệp sai khác Vô sinh.

Bảy câu đầu là sự Vô sinh. Ba câu sau, như thứ lớp phối hợp. Ba thứ sau, Vô sinh. Như Pháp sư Viên v.v... giải thích “Tất cả pháp Vô sinh có mười câu giải thích về trí Vô sinh này, gọi là Nhập trí. Nay, lại nói Đệ nhất nghĩa của tất cả pháp, nghĩa là loại trừ hai chấp, mà làm rõ Chân như, gọi là Đệ nhất nghĩa trí của tất cả pháp, nghĩa là dựa vào ba đời, như đối tượng thích ứng với ba đời, dưới đây, nêu ra mười thứ. Pháp sư Cảnh nói “Văn ở đây và văn của luận Thập Địa, chẳng phải không có một vài điểm khác nhau, vì đại ý giống nhau.” Pháp sư Cơ nói “Như

văn luận Địa Trì không thể là nhà chú sớ giải thích riêng. Văn ở đây cũng không có đủ mười pháp. Mười pháp, nghĩa là dựa vào ba đời, như đối tượng thích hợp với ba đời, vì tùy ở ba đời có chấp này, nên tùy đối tượng thích ứng. Mười pháp này đều loại trừ Biến kế sở chấp.

Mười câu như xưa nay Vô sinh v.v..., như thứ lớp phối hợp. Địa kinh giải thích rằng “Viễn Pháp sư nói “Nói là đối với ba đời, nghĩa là Địa thứ tám này trở xuống, Thất Địa là quá khứ, đương Địa, gọi là hiện tại; Nhị Địa sau, gọi là vị lai. Bốn địa đầu trong đây sẽ phối hợp với ba đời. Nghĩa ấy thế nào?

Ở quá khứ có Sơ, Nhị, nghĩa là Vô sinh, Vô khởi, hiện tại Vô tướng, vị lai Vô thành. Quá khứ được chia làm hai: Sơ địa, gọi là “Sinh”, nhị Địa, cho đến thất Địa, gọi là “khởi”. Nói vô danh nghĩa là không có pháp tịnh của Sơ địa sinh. “Vô khởi”, nghĩa là không có Nhị Địa trở đi “khởi”. khởi, tức khởi tác. Nhị Địa này, nghĩa là loại trừ chấp quá khứ.

Nói Vô tướng, nghĩa là chấp ngay Bát Địa có tướng Vô sinh Pháp nhãn. Nay, loại trừ chấp tướng này, nói là Vô tướng, tức là hiện tại.

Nói Vô thành, nghĩa là không có Cửu Địa trở lên, cho đến thành Bồ-đề của Phật, có chấp thành Bồ-đề Phật này, nay đều loại trừ. Do bản dịch xưa nói, chỉ có bốn thứ này không có ba thứ kế là, có ba thứ sau.

Luận sư Trắc nói: “Ngài Tam Tạng dựa vào sự xem xét kinh Hoa Nghiêm bản Phạm có mười thứ quán Vô sinh:

- Vô sinh
- Vô khởi
- Vô tướng
- Vô thành
- Vô thất
- Không có hữu tánh
- Không có tánh trôi lăn
- Không có tánh ngừng dứt
- Tánh bình đẳng của đầu, giữa, sau.

- Ở Chân như không có chứng nhập trái ngược. Tánh bình đẳng không có phân biệt. Mười thứ này với Đại bản Hoa Nghiêm và luận Thập địa. Đã giải thích kinh này có đồng nhau: Năm câu trước trong mười câu Đại Bản Hoa Nghiêm kinh hoàn toàn đồng nhau. Không có câu thứ sáu, không có câu hữu tánh, hai câu không có đến, không có đi, thích hợp với “không có tánh trôi lăn, không có tánh dừng nghỉ ở đây. Một câu không có ban đầu, không có ở giữa, không có sau, cũng như

luận Thập Địa. Luận ấy nói “Ban đầu, giữa, sau bình đẳng.” Về sau, một câu nhập trí Như lai, là nói lược qua, cũng không thích hợp với Địa luận bản Phạm. kinh nói “Câu đầu, đồng với bản Phạm. Câu thứ hai, Vô thành trái ngược với bản Phạm, vì “Vô thành” của bản Phạm kia ở câu thứ tư.

Câu Vô thường thứ ba, cũng thích hợp với bản Phạm. “Vô xuất” thứ tư, cũng trái ngược với bản Phạm này. “Vô tận thứ sáu, không hiện hành thứ bảy, không thích hợp với bản Phạm.” “Chẳng phải có có tánh” thứ sáu của bản Phạm. Hai câu sau, phần lớn đồng với bản Phạm.

Nay dựa theo kinh Hoa Nghiêm bản Phạm, để phối hợp, giải thích văn này. Như ngài Tam Tạng đã giải thích:

“Nói là dựa vào ba đời, như đối tượng thích ứng với ba đời đó, xưa nay Vô sinh, Vô khởi, Vô tướng. Nhà chú thích có hai giải thích:

1) Nói là đối với Chân như vì không có việc chưa sinh, nên nói là Vô sinh; vì không có từng khởi, nên nói là Vô khởi, vì không có sự tướng hiện tại, nên nói là Vô tướng. Nếu theo thứ lớp thì, trước nói quá khứ; kế nói vị lai, sau, là hiện tại. Tuy nhiên, vì không theo thứ lớp này, nên nói rằng “Đối với ba đời, như đối tượng thích hợp với ba đời đó.”

2) Nói xưa nay Vô sinh, nghĩa là không có quá khứ sinh. Vô khởi, nghĩa là không có vị lai khởi, Vô tướng, nghĩa là không có tướng hiện tại. Nếu theo thứ lớp thì, đầu tiên, nói quá khứ; kế nói hiện tại, sau nói vị lai. Nhưng, vì không theo thứ lớp đó, nên nói là “Như đối tượng mà ba đời đó thích hợp.”

Ba quán trên đây, là y cứ vào sự quả của ba đời để nói về quán Vô sinh:

Dựa vào tánh của nhân khác là không nên Thành, vô hoại, nghĩa là tất cả hữu vi là Nhân; công năng (chủ thể) sinh ra các pháp, gọi là “Nhân thành”. Cũng có công năng dứt trừ các pháp, gọi là hoại Nhân, vì Chân như không phải nhân khác năng thành, năng hoại, nên nói “Dựa vào tánh của nhân khác là không Thành, không có Hoại.” Quán hai nhân này y cứ vào tánh của nhân khác để nói về Vô sinh quán.

Năm trường hợp trên đây, y cứ vào việc kia để nói quán Vô sinh.

Dựa vào Đệ nhất nghĩa rất ráo lìa lời nói, nghĩa là vì Chân như Đệ nhất nghĩa không thể nói năng, do tánh y tha dù là tự tánh ly ngôn, nhưng cũng có thể vì danh ngôn mà làm rạn vỡ nghĩa Đệ nhất. Nay, thật tánh của Chân như này chính là tự tánh ly ngôn, rất ráo không bị danh ngôn nêu bày, cho nên nói “rất ráo ly ngôn.”

Các sự tự tánh: Tức Chân như này là thật tánh của các pháp, nên

nói “sự tự tánh”. Sự là the sự. Lời nói, tạo tác, ảnh tượng, tự tánh có hai nghĩa:

- 1) Tự tánh của lời nói, ảnh tượng.
- 2) Tự tánh của tạo tác, Biến Kế sở chấp, ảnh tượng.

Vì thể tướng và vì tánh của nhân, nên đều không có gì, nghĩa là không có “hữu tánh”, mà có hai nghĩa:

- 1) Không có “cái có”, vì không có các tướng của tự thể.
- 2) Không có tánh, nghĩa là không có tánh nhân của “Nhà có”. Vì Thể tướng của thể, tức thích hợp với “không”. Vì tánh của Nhân, tức thích hợp với “tánh không có”. Tướng của Thể này và tánh của nhân vì không có sở đắc, nên nói “đều không có chỗ được.”

Lại giải thích “Nói do “tướng của thể” là thành tự tánh của ảnh tượng, lời nói trên. Và, là “tánh của nhân”, sẽ trở thành tự tánh của ảnh tượng, tạo tác ở trên. Hai thứ như thế đều không có gì. Sự kiện này y theo Thể tánh để nói về quán Vô sinh, là trường hợp thứ sáu, tức do Thể tánh tạp nhiễm như thế. Không có tánh trôi lăn, có nghĩa là ở trên Chân như, không có tánh trôi lăn của mười hai duyên sinh. Nói “không có tánh trôi lăn”, tức là trường hợp thứ bảy.

Không có tánh chất dừng, nghỉ, nghĩa là dựa trên Chân như cũng không tánh hoàn diệt của mười hai duyên sinh, nên nói “Không có tánh chất dừng nghỉ. Sự dừng nghỉ dựa vào (trôi lăn). Trôi lăn đã không thì dừng nghỉ cũng không, đây là trường hợp thứ tám. Dựa vào mười hai duyên sinh này, lấy Vô trí tà chấp làm nhân, cho đến tất cả thời gian, tánh nhiễm bình đẳng, nghĩa là do mười hai duyên sinh dùng Vô minh, ác Kiến làm nhân. Đối với các sự “có thể” của ly ngôn kia, tức là nhân sự đã sinh, ở trên Chân như không có đầu, giữa, sau. Về đầu, giữa, sau này có hai giải thích khác nhau:

1) Y theo ba đời, nhằm phân tích đầu, giữa, sau: Quá khứ gọi là đầu, vị lai, gọi là sau; hiện tại, gọi là giữa.

2) Y theo chủ thể dẫn (năng dẫn), đối tượng dẫn (sở dẫn); năng sinh, (chủ thể sinh), sở sinh (đối tượng sinh), để nói về đầu, giữa, sau.

“Năng dẫn” thuộc về Vô minh, hành là biên tế đầu, đối tượng dẫn là Thức, danh sắc, sáu Xứ, Xúc, thọ và chủ thể sinh là ái, thủ, hữu, là bờ mé ở giữa, đối tượng sinh, sinh, già chết là biên tế sau.

Nay, Chân như này vì không có ba phần vị sai khác, nên nói “Dựa vào vô trí này, cho đến tánh bình đẳng nhiễm, đây là trường hợp thứ chín.

Dựa vào Chân như, cho đến tánh bình đẳng, đây là y cứ trí năng

quán lia phân biệt, thể hiện rõ lý tánh bình đẳng, để nói về Vô sinh, đây là trường hợp thứ mười.

Nói chủ thể trừ tạp nhiễm, tức Địa kinh nói “Bồ-tát này xa lia tất cả tâm, ý, thức, nhớ tưởng, phân biệt, không có tham chấp, như hư không, bình đẳng nhập tất cả pháp, như tánh hư không. Đoạn văn này lấy sự giải thích để chế phục những lời bất bẻ.

Trên đây, y cứ vào Chân như v.v... không có Biến kế sở chấp, để nói về Vô sinh, vì e người tu hành sẽ bị dứt trừ trí vô phân biệt cho nên có đoạn văn này.

Ngài Tam Tạng giải thích “Xa lia tất cả phân biệt của Tâm, ý, thức, nhớ tưởng, có là hai giải thích:

1) “Phân biệt tự tánh các pháp, cũng ý thức phân biệt sai khác, gọi là phân biệt nhớ tưởng.”

2) “Xa lia tất cả Tâm, ý, thức là xa lia tâm vương của tám thức. Phân biệt, nghĩa là xa lia phân biệt pháp số.”

Không có tham, chấp nghĩa là người dịch lầm lẫn, nên nói là không có đối tượng ngăn ngại.

Luận giải thích có ba sự vượt hơn trong Địa dưới đây:

1) Hạnh tự nhiên vô công dụng, như kinh nói “Không có tham, chấp.” Ngài Tam Tạng nói “Trí Vô sinh thông minh không có công dụng, không hề bị ngăn ngại, như hư không bình đẳng.”

Luận rằng: “2) Tưởng khắp tất cả pháp”, ngài Tam Tạng nói “Ở đây nói về Trí hậu đắc, duyên khắp các pháp như hư không, nhập tất cả pháp như tánh hư không.”

Luận rằng: “3) Nhập hạnh tự nhiên Chân như không lay động.” Ngài Tam Tạng nói “Cũng là trí chánh thể “duyên” trí hư không bình đẳng Chân như.

Nói “được nhập trụ thuần thanh tịnh trụ thứ tám. Pháp sư Cơ nói “Do tâm hữu lậu ngăn cách, nên gọi là tạp nhập. Thuần túy Vô lậu, gọi là thuần tịnh.

Tương tục gia giải thích trên Bát Địa này “Vi Thất Địa có công dụng, nên gọi là tạp nhập; còn Bát Địa thì không, nên gọi là thuần. Nói cách ngăn, không cách ngăn Bát Địa này, do bỏ đi tâm hữu lậu gián cách là nghĩa của người khởi.”

Luận sư Trắc nói: “Vì phiền não hoàn toàn không còn hiện hành, nên gọi là thuần.”

“Trụ trong trụ này...” trở xuống, là thứ hai, nói do quán ở trước được Vô sinh nhẫn. Đối với Pháp Vô sinh, chứng được nhẫn thanh tịnh

tối cực bậc nhất, Sơ địa cũng được Vô sanh nhẫn, hai trường hợp này khác nhau thế nào? Pháp Sư Khuy Cơ giải thích: Theo luận Hiển Dương quyển sáu thì vô sanh nhẫn có ba thứ, tánh sở chấp gọi là Vô sinh nhẫn xưa nay, y tha, gọi là Tự nhiên Vô sinh nhẫn; Viên thành, gọi là Vô sinh nhẫn khổ cấu. Hai chấp phân biệt chứng, đoạn của Sơ Địa là đặc Vô sanh nhẫn xưa nay. Bát Địa trở lên, Chân, Tục hiện hành song song, được hai Vô sinh nhẫn tự nhiên, và khổ cấu. Lại, Bát Địa trở lên, vì chứng một vị Chân như quán thuần túy, nên gọi là được khổ cấu Vô sinh, do ở trước đã chứng đặc Vô sinh nhẫn khác. Lại, vì ở trước đã được Vô sinh nhẫn Phần đoạn. Bát Địa trở đi, chứng Vô sinh nhẫn Biện dịch. Lại, Sơ địa v.v... không Vô sinh nhẫn đường Ác. Bát Địa trở lên, chẳng phải tâm hữu lậu Vô sinh nhẫn gián sinh. Đối với tất cả pháp, chính Tâm, Tư xong. Ngài Tam Tạng nói “Thất Địa trở xuống đều có Tâm, Tư xong, là do sức Tâm, Tư của Địa thứ bảy trước. Địa thứ tám trở lên, do trí Như thật sinh, chứ chẳng phải là Địa thứ tám có Tâm, Tư. Vì sao? Vì Bát Địa trở lên, bất cứ lúc nào cũng thường nhập quán “Nhân”, không và “Pháp không”.

Lại giải thích “Lại, có khi xuất quán, vì chẳng phải pháp gia hạnh, nên không thực hành quán Tâm, Tư. Bảy giờ, cho đến không bao giờ còn sinh nữa. Pháp sư Cảnh nói “Từ xưa đến nay, do pháp tà phân biệt luống dối thường khởi, giờ đây, không còn khởi nhân phân biệt, nên pháp luống dối vị lai sẽ không bao giờ còn sinh nữa.”

Luận sư Trắc nói: “Trong Bát Địa này, tất cả “nhân chấp và pháp ý thức đều không hiện hành, nên nói rằng tất cả tà chấp phân biệt đều xa lìa. Trí Như thật này, cho đến Nhẫn thanh tịnh cùng cực.”

Luận sư Cảnh nói: “Địa vị công dụng tu hữu chưa thanh tịnh. Nay, trí Như thật của Bát Địa này vì quán lìa công dụng, nên gọi là thanh tịnh cùng cực. Trí Như thật này tức quán Vô sinh. Văn này tức nói Bát Địa cũng thực hành Tâm, Tư Như thật quán trí, phải biết rằng Cửu Địa, mười Địa cũng thực hành quán này, chỉ các Đấng Như lai lìa hẳn Tâm, Tư, Thập Địa vẫn còn.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Vì sao không nói bốn Tâm, Tư? Vì Tâm, Tư chẳng phải Vô sinh nhẫn, nên chỉ có hữu lậu, trí Như thật có cả Vô lậu, là thể Vô sinh nhẫn của Bát Địa này. Vì thế, hai văn trước giải thích lại trí Vô sinh nhẫn, nên ở trước nói “Vậy là thế nào? Nghĩa là các Bồ-tát do bốn Tâm, Tư, đối với tất cả pháp chánh, Tâm Tư ứng xong, hoặc có lúc giữ gìn được bốn trí Như thật, cho nên biết trí này tức là thể của Nhẫn. Nói có Tâm, Tư xong, nên biết Tâm, Tư không ở Bát Địa trở đi,

vì không có tâm hữu lậu, do ở trước đều có tâm hữu lậu. Trí hậu đắc kia chỉ tạo ra nghĩa giống nhau, nên không có ngăn ngại, thật ra, tạo nên Tâm, Tư chỉ hữu lậu. Ý muốn dẫn sinh trí Như thật Vô lậu. Trí Vô lậu đã tương xứng với Pháp tức là Như thật, vì sao lại thực hành quán Tâm, Tư, dẫn sinh trí Như thật ? Dù lúc thực hành là giống nhau, chứ chẳng phải thực hành chân thật.”

“Các Bồ-tát này...” trở xuống, là thứ ba, nói về dứt trừ bốn tai họa. Bản dịch xưa gọi là lia bốn não.

Pháp sư Cảnh nói “Địa kinh có nói ba dụ:

- 1) Dụ Diệt định.
- 2) Dụ tỉnh mộng.
- 3) Dụ sinh lên cõi trời Phạm Thiên.

Nay, luận này đã nói về bốn thứ tai họa là trong thí dụ kia đã lia lỗi. Hai thứ đầu là lỗi đã lia trong thí dụ Diệt định kia. Hợp trụ báo hạnh thành. Thứ hai, tức Địa kinh kia nói “Lìa việc của thân, miệng, ý. Thứ ba, là thí dụ thứ hai kia, hợp từ xưa đến nay, thấy các chúng sinh rơi vào bốn con sông lớn, phát ra sức tinh tấn lớn, tu rộng hành đạo, đến Bất động địa, lia tất cả tướng, có hạnh công dụng v.v....

Thứ tư, là thí dụ thứ ba kia, hợp rằng “Tất cả tâm Phật, tâm Bồ-tát, tâm Bồ-đề, tâm Niết-bàn không hiện hành, hưởng chi sẽ hiện hành tâm thế gian.”

Pháp sư Thái nói: “Nói bốn, nghĩa là trừ dứt có hành hiện tiền của tướng nhỏ nhiệm, nghĩa là Bồ-tát lúc nhập quán, tướng thô, tế đều không khởi. Khi xuất quán, tướng nhỏ nhiệm vẫn còn khởi. Nay, nhập Bất Động địa không có xuất quán, nên dứt trừ hiện hành nhỏ nhiệm, chấp tướng. Lại, “Bồ-tát này đối với sự nghiệp thần thông to lớn trong dòng pháp môn như thế”, là câu thứ tư.

Địa kinh nói: “Bồ-tát được địa Bất động xong, vì năng lực bản nguyện trụ, nên bấy giờ, Chư Phật cho Bồ-tát trí tuệ Như lai trong môn pháp lưu thủy kia, cho đến nhờ vào bảy điều khuyên của Phật:

- 1) Khuyên ông vì mục đích thành tựu pháp của Chư Phật, nên hết lòng, tinh tấn, đừng bỏ môn Nhãn này.
- 2) Khuyên dù được vắng lặng, giải thoát, nhưng ông phải xót thương, nghĩ đến chúng sinh.
- 3) Khuyên nên nhớ đến Bi, trí của nguyện xưa.
- 4) Khuyên ông chớ chung với Nhị thừa, chỉ mong cầu Pháp tánh.
- 5) Khuyên quán Vô lượng thân Phật, cõi nước v.v... nên khởi thị hiện.

6) Khuyên vì được Vô lượng pháp môn của Như lai, ông nên khởi Pháp này.

7) Khuyên nên quán thông suốt về sự khác nhau của Vô lượng cõi nước, chúng sinh khắp mười phương (giải thích rộng như kinh luận kia).

Pháp sư Khuy Cơ rằng: “Hỏi “Bồ-tát trụ này không có dụng công, thì đâu cần phải khuyên?”

Nghĩa là “Do được Vô tướng, nên nói là phần nhiều nhập Vô tướng, không ưa tiến tu. Với bày lời khuyên của Chư Phật, sẽ giúp cho Bồ-tát khởi quán Vô tướng. khởi quán Vô tướng xong, tự nhiên, như Di thực, nhậm vận tinh tấn vượt hơn, không đợi gia hạnh.”

Như vậy, “nhờ đức Phật giác ngộ, khuyến khích, dẫn dắt Vô lượng phân thân, trí mẫu”, là câu thứ sáu.

Địa kinh nói “Kim Cương Tạng nói với ngài Giải Thoát nguyệt rằng “Phật tử! Nếu Chư Phật không cho Bồ-tát này khởi môn trí, thì lúc bấy giờ, Bồ-tát này sẽ gặp Niết-bàn ngay, ruộng bỏ phục vụ lợi ích cho tất cả chúng sinh. Do Chư Phật cho Bồ-tát này Vô lượng, Vô biên môn khởi trí, nên trong một ý niệm đã khởi lên nghiệp trí. So với từ khi mới phát tâm đến nay, cho đến Địa thứ bảy cuối cùng, trăm phần không bằng một v.v..., cho đến chẳng phải tính, đếm, thí dụ mà hiểu được. Vì sao? Vì Phật tử trước, phải dùng một thân để khởi trí hạnh. Nay, trong Địa Bồ-tát này vì được Vô lượng thân khác nhau của Bồ-tát, vì nhóm họp Vô lượng sức công hạnh, nên ngang bằng nói rộng.”

Pháp sư Khuy Cơ nói “Dẫn phát Vô lượng phân thân, tức dẫn phát khiến sinh năm phần pháp thân.”

“Được mười tự tại...” trở xuống, là thứ bảy, là nói được tự tại. Xét Địa kinh, trước là nói ba tự tại, nghĩa là công hạnh tự tại của khí thế gian, hạnh tự tại của chúng sinh thế gian, hạnh tự tại của tri chánh giác. Kế là Quán, nói mười tự tại, trong đây chỉ nói mười tự tại. Vì được tự tại, nên tùy theo đối tượng muốn trụ, như ý có thể trụ. Đây là nói về mạng tự tại.

Tùy theo ưa an trụ Tĩnh lực, đến Như lai có thể trụ, là nói về tâm tự tại.

“Nếu tạm tư duy, cho đến đều có thể hiện hành”, là của vật tự tại, có thể “hoặc” sinh nghiệp khắp tất cả, nghĩa là nói về nghiệp tự tại. Và đối với tất cả nơi chốn hậu sanh được tự tại sanh về, gọi là sanh tự tại.

“Tùy theo đối tượng yêu thích cho đến, đều khởi tác, là như ý tự tại.”

Tất cả nguyện mẫu nhiệm cho đến đều làm thỏa lòng Phật, nghĩa là nói về nguyện tự tại.

Tùy theo sự vật cho đến, đều thành không khác, là thắng giải tự tại.

Tùy đối tượng mà trí ưa muốn, cảnh giới của trí đều là trí Như thật, là nói về trí tự tại.

Khắp tất cả danh, cú văn thân đều được khéo léo, nghĩa là nói về pháp tự tại.

“Bồ-tát như thế, cho đến “nên biết tướng kia” là thứ tám, nói về thắng lợi tự tại.

Xét Địa kinh chép: “Bồ-tát được mười tự tại thì được gọi là bậc trí giả v.v... không thể nghĩ bàn, cho đến nói rộng.”

Luận giải thích “Thắng đại, có ba thứ đại:

1) Trí đại.

2) Thừa đại, tức ba nghiệp thanh tịnh.

3) Công đức của hai trụ kia đại. (giải thích rộng như kinh ấy)

“Lại có thể rời bỏ” trở xuống, là thứ chín, gốc lành thanh tịnh.

Xét Địa kinh rằng “Ví như vốn vàng thật, thợ kim hoàn giỏi khéo léo, chế tạo ra dụng cụ trang nghiêm, đem cho vua Diêm-phù đề hoặc ở đầu, hoặc đeo trên đỉnh. Người Diêm-phù trang sức bằng dụng cụ báu khác, họ không thể cướp đoạt. Như thế, Bồ-tát trụ Bất động địa, các căn lành kia, tất cả Thanh văn, Bích Chi Phật, cho đến Bồ-tát Thất Địa đều không thể hư hoại. Bồ-tát được dùng đại trí của Địa, ánh sáng, phá tan chướng phiền não đen tối. Lại nói “Ví như quốc vương của ngàn thế giới, vua Đại Phạm Thiên, có khả năng trong cùng một thời gian, trang trải lòng Từ đầy khắp hằng ngàn thế giới, cũng có thể ánh sáng chiếu rọi trong đó.

Như thế, Phật tử! Bồ-tát trụ trong Địa Bất động này, có thể phát ra ánh sáng trên thân chiếu khắp mười ngàn muôn Tam thiên Đại thiên thế giới, số thế giới chúng sinh nhiều như cát bụi, có thể dập tắt dần các lửa phiền não, để được mát mẻ.

Oai lực thọ sinh của Bồ-tát trụ này rất lớn, nên biết tướng ấy, là câu thứ mười một.

Về thọ sinh, Địa kinh nói “Bồ-tát trụ trong Địa này, đa số làm Đại Thiên Vương, làm chủ ngàn thế giới.”

Oai lực tự tại trên hết. Như kinh nói “Trong khoảng một niệm, được trăm muôn tam thiên Đại thiên thế giới số tam-muội như cát bụi và thấy Phật v.v..., cho đến nói rộng.”

Trong Vô ngại giải trụ, gồm có: hỏi, giải thích, kết luận.

Nói trong trụ rất sâu của Địa thứ tám, bất sinh Hỷ tức, nhập địa Thắng tấn. kinh nói về mười trường hợp làm phương tiện của Pháp sư. Nay, trong đây nói “Hỷ tức bất sinh sâu xa” tức thích hợp với trường hợp thứ nhất trong kinh. kinh nói “Này Phật tử! Bồ-tát dùng trí Vô lượng như thế, trí khéo so lường, lại cầu vận chuyển sâu sắc vượt hơn vắng lặng, giải thoát.”

Lại, yêu thích tánh thù thắng của trí tăng thượng, là hợp với trường hợp thứ hai của kinh. kinh rằng “Lại chuyển, sang mong cầu trí rốt ráo của Như lai.”

Tùy nhập, là thích hợp với trường hợp thứ ba của kinh. kinh rằng “Nhập trong pháp sâu kín của đức Như lai.” Bảy trường hợp còn lại, trong đây lược qua không nói.”

Cũng có thể tùy nhập lời nói, tức gồm thấu chung tám trường hợp sau.

Pháp sư Khuy Cơ nói “Hỏi “Bát Địa trước, loại trừ bốn tai. Địa thứ hai trừ dứt đối với thanh tịnh trụ ở trên, tinh tấn, siêng năng kính mến, thì vì sao địa thượng có yêu thích thú nhập đối với tánh thù thắng của trí?”

Nghĩa là “Trước kia có đối tượng mong cầu là nhiệm pháp chấp, Thất Địa khởi, Bát Địa dứt. Nay, Địa này chỉ yêu thích trí thù thắng Vô ngại giải trong Vô lậu quán, chứ chẳng phải nhiệm pháp chấp, cho nên không đồng với trước. Các Bồ-tát này đến nên vì người khác nói tất cả pháp, là trường hợp thứ hai. Pháp sư Cơ “Hỏi “Vì sao Bát Địa trở lên, gọi là không có gia hạnh? Còn Địa này thì nói có khởi trí gia hạnh?”

Nghĩa là “Trong Thất Địa trước, đối với giải thoát cõi trên, cần phải siêng năng gia hạnh thì mới mong thú nhập, được gọi là gia hạnh. Đối với Phật địa, muốn vì hữu tình nói pháp, thì nhậm vận nói, chứ chẳng phải gia hạnh. Nay, Trụ này vì đã thú nhập giải thoát cõi trên, nên không có trí gia hạnh nhậm vận như Dị thực vượt hơn. Nhưng khi muốn vì hữu tình nói pháp thì không thể như Phật nhậm vận mà nói, phải tác ý mới nói được, tức là trong quán Vô lậu, khởi tác ý nói pháp gọi là khởi gia hạnh, do đó không đồng với trước.

“Khấp tất cả việc nói pháp v.v...” trở xuống, là thứ ba, nói về việc làm này như thật biết.

Địa kinh nói về rừng rậm có mười một:

1/ Tâm hạnh rừng rậm của chúng sinh.

2/ Hành phiến não.

- 3/ Hành của ba nghiệp.
- 4/ Hành của căn.
- 5/ Hành của tín.
- 6/ Hành của tánh.
- 7/ Hành của tâm sâu sắc.
- 8/ Hành của sử.
- 9/ Hành của sinh.
- 10/ Hành của tập khí (thói quen).
- 11/ Hành rừng rậm sai khác của ba nhóm.

Ngài Tam Tạng nói “Tín, là dịch lằm, lẽ ra dịch là Thắng giải, nên kinh Hoa Nghiêm chép: “Thắng giải thoát.”

Nay, đoạn văn này nói “Phải biết việc nói pháp đã làm ở đây. nghĩa là chính thức ra khỏi rừng rậm. Cách hành văn dưới đây rất khó. Ngài Tam Tạng xem xét, giải thích, biện luận, để giải thích rõ đoạn văn này, “Nói là đối với tất cả hạnh gần gũi rừng rậm, đây là nêu chung mười một thứ rừng rậm, mười một thứ rừng rậm như tâm, hạnh v.v..., tức là cảnh sở quán của Bồ-tát. Tập nhiễm như thế, thanh tịnh như thế, là rừng rậm của tâm hành, tức tâm hành nhiễm, tịnh.

Do tập nhiễm này, tức là rừng rậm phiền não, rừng rậm hành nghiệp.

Do thanh tịnh này, là rừng rậm của căn hành nghĩa là năm căn như Tín căn v.v....

Hoặc đối tượng tập nhiễm, hoặc đối tượng thanh tịnh, nghĩa là rừng rậm Tín, hạnh, tức là Thắng giải. Nếu tương ứng với phiền não thì gọi là đối tượng tập nhiễm (bị tập nhiễm), nếu tương ứng với pháp thanh tịnh, thì gọi là đối tượng thanh tịnh. Nếu chẳng hoàn toàn thì nói là rừng rậm hành tướng của tánh, là rừng rậm hành tướng của tâm sâu, là sở quán của Bồ tát, hoặc là hữu tánh, hoặc là vô tánh, chứ chẳng phải hoàn toàn. Nếu là hoàn toàn thì là rừng rậm của sử hành, rừng rậm của Sinh hành. Nghĩa là hầu hết đều thuộc về phiền não, vì hoàn toàn nhiễm. Bồ-tát đã dứt hết năm khổ v.v..., vì sinh là thanh tịnh, nên nói là hoàn toàn.”

Hỏi “Hành rừng rậm của sử có khác với phiền não rừng rậm ở trước nhau chăng?”

Đáp “Phiền não là tâm trên, còn sử là hạt giống, nên có sự khác nhau này. Nếu chung cả hai thứ, nghĩa là rừng rậm Tập khí và rừng rậm của ba nhóm hành. Ở đây gồm thâu chung bốn thứ tập khí rừng rậm v.v... của hành tánh, nên nói là hai thứ. Lại, vì gồm thâu ba nhóm hữu

ình, nên nói là có cả hai thứ.”

Pháp sư Cảnh nói “ Đối với tất cả hạnh rừng rậm gần gũi, tạp nhiễm thế đây, thanh tịnh như thế: là nêu chung pháp nhiễm, tịnh. Do tạp nhiễm này, do thanh tịnh này, là nêu nhân tịnh. Nếu chẳng phải hoàn toàn, nghĩa là nhóm tà định, chánh định. Nếu chung cả hai thứ, nghĩa là chung cho cả ba nhóm.”

Nói hạnh rừng rậm, như kinh nói có mười một. Địa luận nói rằng “Rừng rậm, là nghĩa nhiều, nghĩa khó biết. Hạnh, nghĩa là không chánh tín”, như Luận kia có nói rộng.

“Bồ-tát như thế...” trở xuống, là thứ tư, nói về phương tiện khéo léo thành Đại Pháp sư.

phương tiện khéo khéo trong nói pháp, nghĩa là nhắc lại trường hợp thứ hai ở trên. Nói đã tạo ra phương tiện khéo léo, nghĩa là nhắc lại câu thứ ba ở trên.

Pháp sư Khuy Cơ nói “Oai nghi nói pháp, gọi là nói khéo léo, nói hợp với căn cơ, gọi là nói những gì đã làm. Lại, đối tượng giải thích rõ ràng, hợp lý, gọi là nói khéo léo. Thích hợp với căn cơ, lợi ích chúng sinh, gọi là đã làm đúng như lời nói.”

Đối với nhất thiết chủng, thành đại Đại Pháp sư, Địa kinh nói “Bồ-tát trụ trong Địa Thiện Tuệ, đại khái là nói làm Đại Pháp sư, trụ trong nghĩa mẫu nhiệm sâu sắc của Đại Pháp sư, giữ gìn pháp tạng của Chư Phật.”

Luận giải thích là trong đó, nói là gìn giữ, hai câu thị hiện.

Trụ ở trong nghĩa mẫu nhiệm, sâu sắc của Đại Pháp sư, nghĩa là có hai mươi thứ để tạo nên sự nghiệp của Pháp sư:

Thời gian.

Y chính đáng.

Đốn (tức khắc).

Nối tiếp nhau.

Tiệm (dần dần).

Thứ lớp.

Thứ lớp câu, nghĩa.

Bảo cho biết.

Vui mừng.

Khuyên răn.

Đủ đức.

Không hủy phạm giới cấm.

Không tán loạn.

Đúng pháp.

Tùy chúng.

Tâm từ.

Tâm yên ổn.

Tâm thương xót.

Không đắm lợi dưỡng, tiếng tăm.

Không khen mình, chê người (cho đến nói rộng).

Đạt được Vô lượng môn Đà-la-ni. kinh nói “Được các nghĩa Đà-la-ni, cho đến thứ mười, được các nghĩa Đà-la-ni.

Được các môn Đà-la-ni như thế v.v..., đầy đủ mười a-tăng-kỳ, trăm ngàn, đối với tất cả chi âm, từ, chia chẻ phân tích đầy đủ, khéo léo, tức là từ Vô ngại. Biện tài Vô tận là nhạo thuyết Vô ngại.

Thành tựu Pháp Đà-la-ni như thế, lãnh thọ kham năng, như kinh nói “Bồ-tát này ở chỗ một vị Phật, đã dùng một trăm ngàn môn Đà-la-ni trong suốt mười a-tăng-kỳ để lắng nghe, thọ lãnh chánh pháp. Như nghe pháp ở chỗ một vị Phật, ở chỗ Vô lượng, Vô biên Chư Phật khác cũng vậy. Bồ-tát do Vô ngại giải thù thắng này, dẫn phát ngôn, từ, có thể ngồi tòa pháp mâu nhiệm như thế. Do ba biện tài khác, dẫn phát Từ biện, việc làm tự tại, đủ khả năng lên pháp tòa, nói rộng bốn Vô ngại”, như trong kinh ấy nói, nếu ở trong đây, Thích Luận chép: “Nghĩa là lúc nói pháp được diễn ra trong hội đại tập.”

“Nếu ở chỗ này”, nghĩa là nói pháp ở chỗ cõi nước, nói rộng chánh pháp, tường tất cả tận môn, là tùy căn cơ chúng sinh kia, giảng nói chánh pháp, cùng tận pháp môn kia.

“Nếu do đây... nên”, cho đến đều hoàn toàn thành tựu: Do căn cơ này đối với các hữu tình hoặc nói là khuyến khích, dẫn đường, hoặc nói là an ủi, dẫn dụ, với những khả năng đều thành tựu căn lành, thanh tịnh, oai lực, thọ sinh, như kinh nói nên biết, là trường hợp thứ năm, sáu, bảy.

Căn lành thanh tịnh. Như kinh nói “Ví như vàng ròng, được chế tạo nên các dụng cụ trang nghiêm, đeo trên đầu hoặc cổ vua Chuyển Luân. Tất cả dụng cụ trang sức của tất cả Tiểu vương, người của bốn thiên hạ, đều không thể sánh bằng. Như thế, Bồ-tát trụ trong Địa Thiện Tuệ này, các căn lành kia càng trở nên sáng, sạch vượt hơn. Tất cả Nhị thừa và Bồ-tát ở Địa dưới không thể làm hư hoại.”

Lại, nói rằng “Ví như trong thế giới Tam thiên của Đại Phạm vương có tất cả chỗ rừng rậm sâu, đều được soi rọi đến.”

Như thế, Bồ-tát trụ ở Địa này, ánh sáng của gốc lành soi rọi tâm

phiền não của chúng sinh, nơi rừng rậm âm u được chiếu rọi trở lên.

Thọ sinh, như kinh nói “Trụ trong Địa này, đa số làm Đại phạm Thiên Vương, được thế lực lớn, chúa tể của thế giới Tam thiên, được tự tại trong đó.”

Oai lực: như kinh nói “Trong một niệm, được tam-muội nhiều như số cát bụi của trăm ngàn cõi nước Phật trong mười a-tăng-kỳ, và thấy Phật v.v..., cho đến nói rộng.”

Trong Bồ-tát trụ được thành tựu viên mãn trên hết, trước hỏi, kế là, giải thích, sau là kết.

Trong giải thích hội thông, gọi là giải thích, y theo đoạn văn kết ở dưới đây. Đã không có kết quả riêng. Đây là đoạn văn khó chia ra, phán quyết. Nếu theo Địa luận, thì có tám phần khác nhau trong Địa thứ mười:

Phương tiện tạo tác đầy đủ Địa phần.

Được phần tam-muội đầy đủ.

Được phần thọ vị.

Nhập phần tận lớn.

Địa giải thích danh phần.

Năng lực thần thông phần vô thượng, hữu thượng.

Phần ảnh tượng của Địa.

Phần lợi ích của Địa.

Nay, đoạn văn này có sáu phần trước, lược qua không có hai phần sau. Nay, y cứ theo trước nay, chia làm chín câu:

Đầu tiên, là nói về công hạnh của Cửu Địa viên mãn, có khả năng nhập vào Thập địa là vua Quán Đảnh. Địa luận gọi là phương tiện tạo tác đầy đủ Địa đủ phần, như kinh nói “Phật tử! Nếu Bồ tát có vô lượng trí, khéo quán trí như thế, cho đến Địa Bồ-tát thứ chín, là khéo giải thích trí.”

Khéo đầy đủ pháp thanh bạch v.v..., cho đến gọi là được đến Nhất thiết chủng, trí nhất thiết, trí Thọ vị. Địa luận, giải thích phương tiện của Địa, tạo ra đầy đủ Địa phần, nghĩa là trí nghiệp khéo giải thích Sơ địa đến Cửu Địa, nên biết. Trí khéo giải thích này có bảy tướng:

1) Vì khéo tu hành, nên có ba câu. Như kinh nói “Khéo đầy đủ pháp trong sạch, nhóm họp Vô lượng pháp giúp đạo, vì khéo gồm tụ đại công đức trí tuệ. Dưới đây có sáu tướng phối hợp với sáu câu dưới của kinh, giải thích rộng như kinh ấy.”

“Được lia như bắn v.v... cho đến vì hiện ở trước.”

2) Nói được Tam-ma-địa hiện ở trước, Địa luận gọi là tam-muội.

Nói “được Vô lượng, vô số ly cấu v.v... vượt hơn Tam-ma-địa”, như kinh nói “Phật tử! Bồ-tát thuận theo thực hành trí như thế, được nhập Địa thọ vị, tức được Bồ-tát gọi là tam-muội Ly cấu mà hiện ở trước, cho đến thứ mười gọi là hiện tất cả Chư Phật hiện tiền trụ tam-muội suốt mười a-tăng-kỳ, đều hiện ở trước.” Trăm ngàn các môn Tam muội thượng thủ như thế trong mười A-tăng-kỳ đều hiện tiền.

Nói “Tạo ra đối tượng đã tạo kia”, nghĩa là thích hợp với kinh ấy kể là nói “Bồ-tát nhập tất cả tam-muội này, biết phương tiện tam-muội, cho đến tam-muội đã tạo ra Chánh thọ.”

Nói “Tất cả trí trí v.v... ” thích ứng với kinh nói kể là “tam-muội sau cùng, gọi là “Trí nhất thiết trí thọ vị vượt hơn” tam-muội của Bồ-tát mà hiện ở trước, được tương xứng với Toà mẫu nhiệm của tất cả Phật, cho đến có thể dẫn dắt rộng khắp mà giáo hóa hữu tình, phần thứ ba, nói được tương xứng với Tòa mẫu nhiệm của tất cả Phật, quán đánh, giáo hóa, dẫn dắt. Địa luận nói “Đây gọi là “được phần thọ vị”, như kinh nói “Là khi tam-muội hiện ở trước, thì có vua Đại Bảo Liên Hoa ra đời, tròn khắp Tam thiên đại thiên thế giới bằng mười a-tăng-kỳ, cho đến nói rộng.”

Luận thích nói “Được thọ vị trong đây, nghĩa là tùy các tòa nào, tùy thân lượng nào tùy các quyền thuộc nào? Tùy những tướng nào? Tùy xuất xứ ở đâu? Tùy theo địa vị đã được, tùy theo sáu việc đã nói như thế, nên biết, cho đến nói rộng.”

Nay, trong đây nói “Được tất cả tòa tương xứng với Phật là thứ nhất, tùy những tòa nào? Chỗ tòa ngồi có mười tướng:

1) Tướng sinh, như kinh nói “Tức có vua Đại Bảo Hoa xuất hiện.”

2) Tướng lượng, như kinh nói “tròn khắp như trăm Tam thiên ngàn Đại thiên thế giới, trong mười A-tăng-kỳ.”

3) Tướng thù thắng, như kinh nói “Dùng các châu báu trang nghiêm.”

4) Tướng Địa, như kinh nói “Vì vượt qua cảnh giới thế gian.”

5) Tướng nhân, như kinh nói “Vì gốc lành của thế gian sinh ra.”

6) Tướng Thành, như kinh nói “Thực hành các pháp như huyễn, vì cảnh giới của tánh đã thành tựu.”

7) Tướng Đệ nhất nghĩa, như kinh nói “Ánh sáng, khéo soi chiếu tất cả pháp giới. Khéo soi, còn gọi là chánh quán.”

8) Tướng công đức, như kinh nói “Vượt qua tất cả cảnh giới của chư thiên.”

9) Tướng của thể, như kinh nói “Dùng báu Đại lưu ly ma-ni làm cộng v.v....”

10) Tướng trang nghiêm đầy đủ, như kinh nói “Thân hoa có Vô lượng ánh sáng, với các thứ châu báu đan xen trong đó, cùng Vô lượng lưới báu giăng mắc trên đó.”

Nói “thân”, là thứ hai, tùy những kích cỡ thân nào?, như kinh nói “bấy giờ, thân Bồ-tát mầu nhiệm đặc biệt, xứng với tòa hoa v.v....”

Nói “các quyển thuộc, là thứ ba, tùy những quyển thuộc nào, như kinh nói “bấy giờ, quyển thuộc của vua Đại Bảo Liên Hoa trên hoa sen có Bồ tát v.v... được ánh sáng rực rỡ lớn chiếu khắp qua, lại”, là thứ tư, tùy những tướng nào?, như kinh nói “Bồ-tát này lên tòa Đại bảo liên hoa vương, và Bồ-tát quyển thuộc ngồi trên tòa sen, nhập tam-muội xong. Bấy giờ, tất cả thế giới trong mười phương đều rung chuyển dữ dội. Tất cả đường ác đều biến mất, ánh sáng tỏa soi, chiếu khắp tất cả Pháp giới. Tất cả thế giới đều trang nghiêm thanh tịnh, đều được thấy, nghe tất cả các đại hội của Chư Phật.”

Tùy những chỗ nào? Tức là chỗ phát ra ánh sáng, như kinh nói “Phật tử! Bồ-tát này vì sao cho đến công đức trí tuệ đều được hiển hiện ở trước? Tất cả hành tướng, tất cả trí trí đều rưới lên đỉnh đầu họ.”

Tùy địa vị đã được, như kinh nói “Như thế, Phật tử! Lúc bấy giờ, Chư Phật phát ra ánh sáng giữa hai đầu chân mày, gọi là nhiều ích tất cả trí thông, cho đến khi nhập vào đỉnh đầu Bồ-tát kia, gọi là đặc vị v.v....”

Pháp sư Khuy Cơ nói “Nghĩa là rưới nước pháp lên đỉnh đầu Bồ-tát, gọi là tất cả tướng. Đây là trí Nhất thiết tri, cũng là việc đã làm.”

“Phật sự v.v... đối với phương tiện giải thoát kia”, là thứ tư, nói về phương tiện giải thoát, được trí như thật, kịp được Vô lượng giải thoát, Tổng trì, thần thông.

Địa luận gọi là nhập phần Đại tận, nên có năm thứ:

- 1) Trí Đại.
- 2) Giải thoát đại.
- 3) tam-muội đại.
- 4) Đà-la-ni đại.
- 5) Thần thông đại.

Nay ở đây nói rằng: “Phật sự của phương tiện giải thoát kia là tam-muội đại. tam-muội có thể làm nhân cho giải thoát.

Nói: “Phật sự của phương tiện giải thoát”, là nói được trí như thật, là Trí Đại.

Kịp được Vô lượng giải thoát, là giải thoát đại.

Một Đà-la-ni, là Đà-la-ni đại. Năng lực thần thông, là Thần thông đại (nói rộng như Địa luận kia).

“Và, Tăng thượng này cho đến an lập, phần thứ năm, nói được Niệm trí đại, huấn từ an lập. Địa luận, gọi là Địa là giải thích phần danh. Giải thích danh có ba:

1) Được sức niệm lớn, có thể thọ lãnh mây mưa nói pháp của Chư Phật, nên gọi là Pháp vân.

2) Pháp thân che khắp, rưới xuống mưa pháp, vì dứt sạch phiền não, nên gọi là Pháp vân.

3) Rưới xuống mưa pháp, sinh vật này mầm tươi tốt, nên gọi là Pháp vân.

Nay, trong đây nói rằng “Và, tăng thượng đại niệm, đại trí này”, là thứ nhất, giải thích danh.

Tăng thượng dẫn phát huấn từ an lập, là hai thứ sau giải thích danh. “Nhưng ở đây, giải thích danh” trở xuống, là tự giải thích. Nay, trước nêu tóm tắt nhằm bổ sung cho phần kể là.

Và, đại thần thông tăng thượng dẫn phát, là thứ sáu, nói về sự thần thông. Nếu theo Địa luận, thì dưới đây có năng lực thần thông. Có năng lực thần thông vô thượng, hữu thượng.

Không có ai trên, nghĩa là so sánh với năng lực thần thông của chúng sinh khác. Có trên, nghĩa là do so sánh với năng lực thần thông của Như lai.

“Gốc lành thanh tịnh” là câu thứ bảy. kinh nói “Phật tử! Thí như thợ kim hoàn khéo léo, luyện thổi vàng này thành vật trang sức. Dùng báu Ma Ni không chi trên trộn lẫn trong đó, đeo lên cổ hoặc đính đầu Tự Tại Thiên vương. Ngoài ra, vật trang sức của trời, người đều không thể sánh bằng.

Lại nói “Ví như ánh sáng của Ma-hê-thủ-la thiên vương sáng hơn tất cả ánh sáng của chúng sinh ở chỗ sinh, khiến cho thân, tâm của chúng sinh được trong mát. Như thế, Bồ-tát trụ trong Địa này, trí tuệ sáng suốt, cho đến Bồ-tát trụ ở Cửu Địa đã không sánh bằng.”

Thọ sinh, là câu thứ tám. kinh nói “Bồ-tát trụ trong trụ này, đa số làm Ma-hê-thủ-la thiên vương với đầy đủ oai lực tự tại v.v...”, là câu thứ chín. kinh chép: “Trong một niệm, được mười không thể nói trăm, ngàn, muôn, ức na do tha thế giới Phật với tam-muội như số cát bụi, và thấy Phật v.v... (nói rộng như kinh).

“Phải biết rằng...” trở xuống, là thứ ba, kết hợp giải thích danh.

Văn chia làm ba:

- 1) Kết luận phần trên nói sơ lược
- 2) Chỉ ra kinh nói rộng
- 3) Giải thích tên gọi khác.

Lại, BỒ-tát này tự như vầng mây lớn chưa hiện Đẳng giác Vô thượng BỒ-đề, hoặc hiện Đẳng giác. Pháp sư Cơ nói “Địa thứ mười có ba tâm:

- 1) Tâm Nhập. 2) Tâm Trụ. 3) Tâm Mãn.

Trong tâm mãn này, gọi là Đẳng giác BỒ-tát. Đức Như lai gọi là Diệu Giác. BỒ-tát nhập trụ kia, không gọi là Đẳng giác. Hoặc ở hai tâm nhập trụ, hoặc chưa hiện Đẳng giác; hoặc ở tâm mãn, đều gọi là giác đã hiển hiện v.v.... Lại, Đẳng giác là Phật, chưa hẳn là BỒ-tát Đẳng giác, ý nói BỒ-tát này ở đương địa chưa thành Đẳng giác, cũng có thể giáo hóa chúng sinh, nói pháp như mây mưa. Nếu thành Đẳng giác, Phật rồi cũng có khả năng giáo hóa chúng sinh, nói pháp như mây mưa. Nói là giống với Phật, như Đẳng giác BỒ-tát, gọi là Đẳng giác.

Trên đây, nói rộng, phân biệt riêng trong trụ đã xong, dưới đây nói chung.

Văn chia làm năm:

- 1) Nói về giới hạn phần tu chứng.
- 2) Nói về phần vị đoạn chứng.
- 3) Nói về thanh tịnh dần.

4) Nói gồm thâu tám pháp trong phẩm Công Đức ở trước, ở trong mười ba trụ này.

5) Lấy nhiều so với ít, tương đương theo thứ lớp. Trong phần đầu được chia làm hai: Trước, là giải thích khuất phục vạn hỏi. Sau, là nói về các trụ tu chứng, trải qua kiếp số nhiều, ít.

Trong phần trước là ý vạn hỏi “BỒ-tát Thập Địa, mỗi Địa đều tu muôn hạnh, vì sao ở trước lại nói là Sơ địa tu đàn (bố thí); Nhị Địa, Trì giới, Tam địa tu định, Tứ địa tu Đạo phẩm v.v... ư?” Cho nên, luận để làm giải thích.

Như thế, đã nói công đức của phần chi giữa trong Trụ sau sau, chẳng phải trụ trước trước, tất cả đều không. Nhưng vì phẩm dưới đây không rơi vào số v.v..., nghĩa là địa ở trước vì tu chưa hoàn thành viên mãn, nên không lập, đến Địa sau viên mãn, mới Kiến lập.

Pháp sư Thái nói “Nếu dựa vào mười hai trụ của BỒ-tát này mà tu tánh công đức, thì cũng sẽ có đầy đủ trong chủng tánh trụ ban đầu. Nhưng vì chưa thành tựu viên mãn, nên chưa lập danh hiệu của mười

một trụ còn lại.”

Dù có giải thích này, nhưng không bằng giải thích ở trước.

Trong văn thứ hai được chia làm ba:

- 1) Phân biệt chung, riêng số lượng kiếp của các Trụ.
- 2) Quyết định kiếp Đại, Tiểu, nói về tu trong thời gian dài, ngắn.
- 3) Nói về tinh tấn có thể chuyển biến, không thể chuyển biến.

Trong phần trước, trước riêng, sau chung. Trong phần riêng, nói rằng “Lại, tức trong mỗi trụ, rất được thành tựu, viên mãn. Trong mỗi trụ, trải qua Trung kiếp, có nhiều tai hủy, hỏa, phong v.v... ; đến Đại kiếp, do tu tập mới được viên mãn. “Nhưng tất cả trụ v.v...” trở xuống, là luận chung.

Nói “Đây là y theo luôn thường mạnh mẽ tinh tấn và, nói ở đây tức là định v.v.... Pháp sư Cảnh giải thích “Trong Tăng Kỳ đầu, công hạnh có thực hành, bỏ giờ, chỉ là luống qua. Thời tiết (giai đoạn) không tu hành, bỏ không lấy, chỉ y cứ vào trí hạnh, để khắc phục khi lấy. Về hành tướng của quãng thời gian từ Sơ địa trở lên, quyết định không có thời gian vô ích, vì được ý lạc tịnh.

Kế là, trải qua vô số đại kiếp thứ ba, cho đến chứng được Bồ-tát trụ thành tựu, viên mãn trên hết. Pháp sư Cơ nói “Vì sao ở đây không nói chứng đắc Như lai?”

Nghĩa là “Vì ba kiếp này đều ở nhân, nên không nói chứng Phật, vì Đức Phật ở ngoài ba kiếp. Lại, ở trước, nói về hai kiếp, văn đều có nói theo thứ lớp, cho đến chứng đắc Cực Hỷ trụ v.v... Nay, trong phần thứ ba này không có nói về thứ lớp, nên không nói Địa Như lai, chỉ giữ lấy địa vị của mình. Thứ hai, trong quyết định số kiếp nhiều, ít trung bình mà nói. Nếu y theo sau để nói, cho đến không vượt qua số lượng này. Pháp sư Viễn nói “Lấy số một trăm hai mươi trong kinh Bát Tư Nghị làm một lượng Tăng-kỳ.” Lại giải thích “Trong số một trăm hai mươi, đầu tiên có một trăm lẻ ba là lượng của kiếp ban đầu. Kế có mười bốn là kiếp thứ hai. Lại, có ba số là kiếp thứ ba.”

Luận sư Cảnh nói “Văn này rõ ràng.” Lại, dẫn kinh Anh Lạc nói rằng “Địa thứ mười bốn, lại trải qua nhiều kiếp để học (bắt chước) bước đi của voi đầu đàn mới được Bồ-đề. Chứng ngoài ba kỳ, lại trải qua nhiều kiếp, lấy ba kỳ mãn của Tiểu thừa. Về sau, lại trải qua một trăm kiếp tu nghiệp tướng tốt.” Việc này không đúng. Nhiếp luận bản dịch xưa chép: “Hoặc nói ba kỳ, hoặc nói bảy tăng-kỳ, hoặc nói ba mươi ba. nay, quyết định nói ba Đại Kiếp tăng-kỳ, liền được thành Phật, không hơn, không kém. Ở chỗ này, văn luận nói là chỉ trải qua ba vô

số đại kiếp, không quá số lượng này. kinh Anh Lạc thì y cứ nghĩa trong Thập địa để chia ra vô số Tiểu kiếp, ở trong đó tu tập bước đi v.v... của voi đầu đàn, cũng là trong số ba kỳ, mà không hơn.”

Pháp sư Thái nói “Lấy kinh làm chính, chỉ vì Luận chủ lấy đa số bao gồm thiểu số, nên nói là không hơn.”

Lại giải thích “Luận nói về thật nghĩa, không đồng với luận Tiểu thừa. Lại nói “kinh Anh Lạc là kinh do Ngài Trúc-Pháp-Niệm dịch vào thời đại đời nhà Tiền Tần, nhưng nay, ngài Tam Tạng không tin.”

Luận sư Bị nói “Kinh Anh Lạc không ở trong mục lục, do đó, không thể chứng minh.”

Trong tinh tấn có thể chuyển biến, không thể chuyển biến, ý nói là công hạnh của Địa tiền có thịnh, suy, đồng trụ Bồ-tát, được có vượt qua trên Sơ địa không có vượt qua. Trung kiếp, là kiếp đao binh. Đại kiếp, là kiếp nước, lửa.”

Dưới đây, là thứ hai, nói về phần vị dứt chướng. Ở đây nói rằng “Tam trụ dứt trừ hai chướng kia, nghĩa là ở trong Cực Hỷ trụ, cho đến nhập Như lai trụ, nghĩa là ở Sơ địa, dứt trừ phiền não của đường ác. Lại, chế phục hai phẩm trung, thượng “tu hoặc” hoàn toàn không hiện hành. Dứt trừ hai phẩm “hoặc” trung, thượng trong Địa thứ tám, khuất phục phẩm hạ kia đều không hiện ở trước, chính là thời gian tâm Kim Cương dứt trừ tức khắc tất cả hạt giống “hoặc”.

Ngài Tam Tạng nói “Theo luận Đối Pháp thì “tất cả phiền não đều chế phục, đến Kim Cương sau mới dứt.”

Văn trong đây nói là Địa thứ tám dứt, nghĩa là chỉ dứt trừ hạt giống “hoặc”, trên thể có tánh không điều nhu, cũng gọi là dứt trừ thô nặng, chứ chẳng phải dứt thể của hạt giống. Dứt trừ “Kiến hoặc” thô nặng trong Sơ địa kia, và hạt giống của “kiến hoặc” đã dựa vào thô nặng, đều gọi là thô nặng.

Địa thứ tám chỉ dứt trừ thô nặng, chưa loại trừ hạt giống của “Tu hoặc” ở trong Thập địa đã thọ phần đoạn, nên quyển tám mươi nói rằng “Trong mười Địa chỉ tu đối trị chướng Sở tri, không tu đối trị chướng Phiền não.”

Pháp sư Thái nói “Khí còn dư lại của các Sư từ xưa đến nay, gọi là Tập khí. Nay, thì không như vậy. Hạt giống phiền não cũng gọi là Tập khí, cũng gọi là Tùy miên. Phải biết rằng phẩm Chướng sở tri đã có thô nặng, cũng có ba thứ v.v.... Luận sư Cảnh nói “Ở đây nói rằng “Ở da, vỏ, hạt phần nhiều y theo thân cây. Lõi cây ngay thẳng, bền chắc, gọi là “thật”. bản dịch xưa nói “Vỏ, da, xương, cũng gọi là da, thịt, tim. Hai

thứ này được gọi là y cứ chung cả pháp tình, phi tình làm thí dụ. Phật địa đều dứt thật, nghĩa là y theo đạo giải thoát, chứng đoạn gọi là đoạn. So sánh dứt chướng phiền não, cũng gọi là Phật địa đoạn, mà nói là Bồ-tát đoạn hữu trên hết. Y theo Vô ngại đoạn, so với dứt chướng Sở tri, Vô ngại chánh đoạn cũng nên nói là trụ đoạn trên hết, đây là y cứ ảnh lược, làm rõ lẫn nhau. Pháp sư Cơ nói “Vĩ lẽ gì chướng phiền não không nói là ở da v.v...?”

Nghĩa là “Phẩm Phiền não hữu, lấy ba phẩm để nói. Nay, chướng này thì không như thế, nên mới nói ở da v.v.... Ngài Tam Tạng nói “Đoạn văn này y theo thô nặng, không y cứ hạt giống chướng Sở tri.” Luận sư Bị y theo chướng Sở tri, trong ba trụ, cho đến tu dứt tư lương.” Pháp sư Cảnh nói “Chứng tánh, giải hạnh, trụ tu Cực Hỷ Trụ, dứt “hoặc” tư lương. Từ tu đạo Sơ địa tu đạo cho đến Thất Địa, tu tư lương đoạn đạo của Địa thứ tám Cứu địa tu đạo Tư lương của Thập địa. Đây là y cứ riêng ở chỗ mãn của ba Kỳ để nói ba trụ đoạn.”

Luận sư Bị nói “Như chướng Sở tri, mỗi Địa trong mười Địa, đạo tu dứt riêng phiền não, cũng ở các Địa, các Địa dứt riêng, mà vì y theo chỗ rốt ráo để nói, nên nói là Tam trụ dứt vì Địa khác dứt chưa được rốt ráo, nên nói tu đoạn so lường.”

Pháp sư Khuy Cơ nói “Mỗi Địa đều dứt chướng Sở tri vì sao nay nói so lường?”

Nghĩa là “Dù dứt Địa mình, do khởi các “hoặc” ở Địa sau, ba chỗ này đều dứt, vì Địa sau, Địa mình không bao giờ hiện hạnh, không đồng với Địa khác, nên không nói so lường.”

Trong phần nói về thanh tịnh dần, vì hợp ba tuệ thành một, nên chỉ có mười một. Thứ tư, nói về gồm thấu tám pháp trong phẩm Công đức ở trước trong mười ba trụ này. Phẩm Công Đức nói “Có tám thứ pháp có thể gồm thấu tất cả Đại thừa:

- 1) Tạng Giáo Bồ-tát.
- 2) Tức chỉ bày rõ các giáo chân thật trong Tạng Bồ-tát như thế.
- 3) Chính trong tạng Bồ-tát như thế, chỉ bày rõ giáo với oai lực rộng lớn hơn hết, không thể nghĩ bàn của tất cả Chư Phật, Bồ-tát.
- 4) Như lý lắng nghe đã nói ở trên.
- 5) Như lý tư duy, so lường, là thu hưởng trước nhất về ý lạc vượt hơn.
- 6) Thú Hưởng ý lạc vượt hơn là trước khi nhập tu về hành tướng.
- 7) Nhập tu hành tướng là trước khi tu quả thành tựu viên mãn.
- 8) Tức do tu quả thành mãn như thế, nên rốt ráo xuất ly. Nay, ở

đây nói là trong trụ thứ nhất, thứ hai, cho đến lắng nghe, thọ lãnh, tư duy, đó là chủng tánh, giải hạnh.

Gồm thâu năm pháp trước trong hai trụ trong tạng Bồ-tát là ba pháp trước trong tám pháp, đều là tạng Bồ-tát. Sinh tín, thắng giải, lắng nghe, thọ lãnh, tức pháp thứ tư.

Tư duy, tức pháp thứ năm, thật ra, về sau, các Địa chẳng phải không có năm pháp này. Y cứ cho rằng trên đây đã áp dụng tăng thời gian ngang bằng với ngôn ngữ.

Nói “Trong trụ thứ ba được ý lạc vượt hơn, thu hưởng hành giả vượt hơn công hạnh ở trước, tức gồm thâu một phần thứ sáu, nghĩa là ưu tiên hưởng đến ý lạc vượt hơn, vì trong Sơ địa, được Vô tướng trước nhất, vì thu hưởng hạnh trước là Vô tướng, nên được một phần.”

Nói “Đối với tất cả pháp khác, cho đến có gia hạnh, có công dụng đắc tu rộng lớn trong Vô tướng trụ.” nghĩa là ở đây gồm thâu một phần thứ sáu, là nhập tu hành tướng. Chung với Sơ địa, gồm thâu chung Vô tướng thứ sáu. Đây là tức tu tập Vô tướng tu, rộng lớn như ở đây, chứ chẳng phải như Sơ địa được gọi là hạnh tu ở trước.

Ba thứ trên đây thuộc về hanh thanh tịnh, tu quả thành tựu, viên mãn trong Bồ-tát trụ.

Địa thứ tám, chín, mười gồm thâu nhập tu hành tướng của Địa thứ bảy trước khi tu quả thành mãn. Phải biết rằng trong Như lai trụ, đạt được rốt ráo xuất ly, nghĩa là gồm thâu địa thứ tám kia, tức do tu quả thành mãn rốt ráo xuất ly như thế.

Nói về lấy Đại đa số so với Tiểu, tương đương theo thứ lớp: Thanh văn có mười hai trụ. Luận sư Cảnh nói “Chủng tánh, tức vào lúc chưa phát tâm, vốn có chủng tánh.

2) Ở bảy phương tiện.

3) Ở Kiến đạo, cho đến Sơ quả.

4) Giới học.

5) Định học, đều ở trong đạo phương tiện tinh tấn dứt “tu hoặc” ở cõi Dục.

6) Ở dứt ba phẩm “hoặc” trên.

7) Ở dứt ba “hoặc” của phẩm trung.

8) Dứt ba phẩm “hoặc” dưới, ba này là tuệ.

9) Đã được bốn định căn bản, làm đạo gia hạnh cho cõi Vô Sắc kia.

10) Là ba Vô Sắc, vì ba Vô Sắc có chân vô lậu, bỏ tất cả tướng, gọi là Vô Tướng Trụ.

11) Từ dứt chín Vô ngại của Phi Tướng và được Diệt định.

12) Là Đế chân thật của quả A-la-hán. Trong Nhiếp Luận Sơ cũng sắp xếp như thế. Vì mười hai của Tiểu thừa chỉ so sánh với mười hai trụ Học Địa của Bồ-tát, không lấy trụ Như lai thứ mười ba.

Người chú thích lại giải thích “Dựa vào định Vị Chí, là thiền cõi Dục, đạo phương tiện của Sơ thiền, gọi là thứ chín, lấy bốn thiền căn bản làm thứ mười, do Xã các thứ tướng phi pháp của cõi Dục, nên tức lấy Bốn không, cho đến Phi Tướng. Vô ngại thứ chín và được Diệt định là thứ mười một. Vô học là thứ mười hai, tám thứ trước, như cũ.”

Pháp sư Thái nói “Sơ trụ là phần giải thoát thiện chung, riêng của năm pháp quán dừng tâm.”

Đây là y theo tập chủng tánh để nói. Nếu giải thích chủng tánh, thì cũng chung cho Vô tử sinh tử. Bốn địa vị như Noãn vị v.v... làm gia hạnh cho Kiến đạo, là ở Chân tướng Kiến đạo.

Địa vị của ba học giới, định, tuệ, được Sơ quả về sau, lúc khởi đạo Thắng tấn, vì muốn “tu hoặc”, lại tu tập ba học giới, định, tuệ, tức là ba trụ. Bốn trụ sau, phần lớn đồng với giải thích lại của người chú giải.”

Pháp sư Khuy Cơ nói “Như các Thanh Văn, cho đến trụ thứ tư cũng thế, nghĩa là trong đây, người Thanh văn chẳng phải lúc được trụ Sơ quả, như trụ thứ tư của Bồ-tát. Trụ thứ tư của Bồ-tát ở Địa thứ hai, vì là Sơ địa. Nay, vì y theo trong tâm hướng dẫn đến ở Sơ quả của người Thanh văn để biện luận, nên giống với Bồ-tát. Lại nữa, lúc trụ quả, cũng được so với Bồ-tát, vì giới được Sơ quả cũng có, vì sao phải giống với Bồ-tát khi thuộc về Sơ địa, gọi là trụ thứ tư? giải thích trước là hơn, vì giải thích sau còn có sở đắc. Về tâm học, Tuệ học ở dưới y cứ theo đây, ở tâm thú hướng nên biết.

Phẩm sinh thứ nhất của Du-già Xứ rất ráo. Nghĩa là bốn Xứ của Bồ-tát địa, đây là thứ ba. Do ở trước, tùy yêu cầu cần thiết, tức là được rất ráo, vì gồm thân lợi mình, lợi người, nên gọi là Rất ráo Du-già Xứ. Có năm phẩm: Vì nhiếp hóa chúng sinh là trước, nên nói là thứ nhất.

Y cứ trong năm phẩm, đầu tiên, có ba phẩm, nói về hạnh của phần mình. Kế có một phẩm, nói về hạnh Thắng tấn. Sau, có một phẩm, đối với công hạnh, nói về quả.

Trong phần trước có hai:

- 1) Có hai phẩm nói về hạnh của phần mình.
- 2) Một phẩm nói về Địa, nơi nương tựa của hạnh.

Trong phần trước lại có hai:

- 1) Nói về năm sinh, là hạnh lợi ích chúng sinh.

2) Nói về sáu hạnh nhiếp hóa chúng sinh.

Trong phần trước, chia làm ba:

1) Nêu số, nêu danh.

2) Giải thích theo thứ lớp.

3) Nói về năm sinh, nhiếp hóa chúng sinh một cách khắp hết.

Trong giải thích trừ tai nạn cho chúng sinh, trước là hỏi, kể là, giải thích, sau là kết sơ lược, chỉ bày rộng.

Trong giải thích có hai:

1) Nói về sự dứt trừ năm nỗi khổ ở hiện tại.

2) Nói về cách dứt trừ tà kiến, ác hành. Năm khổ là:

Đói rét, thiếu thốn.

- Bệnh tật.

- Nạn chiến tranh.

- Kẻ thù.

- Trị phạt.

Nói năng lực trì các minh chú có linh nghiệm, nhiếp thọ rộng lớn thân lương được vương v.v..., nghĩa là do sức nguyện, lại dùng năng lực chú để nhiếp thọ chi tiết thân mình, trên dưới đều thành thuốc hay. Chia cắt, bố thí cho người, nhằm tiêu trừ bệnh dịch cho người, trong tăng thượng, ngài Khuy Cơ nói: Sơ Trụ làm nhất Thiên vương. Nhị trụ làm tứ thiên hạ, cho đến trụ thứ tám làm chủ Tiểu thiên giới. Trụ thứ chín làm chủ hai ngàn thế giới. Bồ-tát trụ thứ mười sinh lên trời Ma-hê-thủ-la tức Tịnh độ, thật ra là ở trong hai cõi dưới, do nghiệp Vô lậu mà sinh, nên gọi là rốt ráo trên. Ở đây, là nói theo chưa được Pháp giới Thọ dụng thân để biện luận. Pháp sư Cảnh nói “Nói đủ, nên nói Ma-ha. Ma-ha là Đại-hê-thủ-la, Hán dịch là Tự Tại. Trong lần thọ sinh sau cùng, hoặc sa vào nhà Đại quốc sư thuộc dòng dõi Balamôn, đồng hiện Đẳng giác.” Pháp sư Cảnh nói “Là hành tướng thành đạo của thân biến hóa, nếu là Phật báo thân, thì lần thọ sinh sau cùng, thân kia cao lớn đặc biệt, sinh trong hoa sen lớn, lượng đồng với Pháp giới.”

Pháp sư Khuy Cơ thuật lại lời ngài Tam Tạng rằng “Có kinh nói “Phật bảo Từ Thị! Ông sẽ sinh vào nhà Balamôn, ta sinh trong nhà Sát đế lợi. Ta sinh bên hông phải mẹ, còn ông sẽ hóa sinh trên đỉnh đầu. Ta hưởng thọ tám mươi tuổi, ông sẽ sống lâu đến sáu muôn tuổi v.v...”

Có kinh riêng này trái với kinh Di-lặc. Xét về câu hỏi, văn nhiếp hóa khắp hết chúng sinh, nói rằng “Chỉ trừ Địa phàm phu, Bồ-tát thọ sinh ở đây, là lấy Bồ-tát có trí làm năm sinh, có hai cách giải thích:

1) “Chỉ lấy nhập ở Thập tín trở lên, cho đến mười Địa làm năm

sinh này, không lấy Thập tín trở xuống, Bồ-tát đã thọ sinh trong chủng tánh ngoại đạo, phạm phu.”

2) “Chỉ lấy Bồ-tát có trí của Đại địa, vì hữu tình thọ sinh, không lấy Bồ-tát phạm phu Địa tiền, vì chưa bình đẳng đối với chúng sinh. Sơ địa đến Thất Địa trở xuống, đã thọ năm sinh, chung cả biến hóa. Bát Địa trở lên, chỉ biến hóa sinh. Ngài Tam Tạng chỉ giữ lại cách giải thích sau, vì đúng hơn.

VII. Nhiếp thọ, cũng là nói ở trước: Vì muôn vật ưa thọ năm sinh. Đối với năm thân sinh, dùng sáu thứ nhiếp thọ nhằm lợi ích hữu tình.

1/ Kế là, nói về phẩm Nhiếp, trong đó đầu tiên, nói về sáu thứ nhiếp thọ, trong đó, trước là chia sáu môn. Kế là, dựa vào môn để giải thích. Sau, nói về nghĩa sáu Nhiếp khắp cùng tận.

2/ Thứ hai, nói về nỗi khó khăn khi nhiếp thọ, qua đó, trước nói về việc gặp phải mười hai nạn. Sau, nói về phương tiện khéo léo đối trị mười hai nạn ấy, trong đó, lời văn khó có thể lấy riêng.

Pháp sư Khuy Cơ nói “Theo thứ lớp của mười một câu đầu, mỗi câu đối với một đối tượng trị.”

Thứ mười một vì giải thích thứ mười một ở trên, mười hai việc khó khăn.

Luận rằng: 1. “Hoặc ở trong đó, nên quán nặng nhẹ, như đối tượng thích hợp mà thực hành phương tiện.” Tức là thứ nhất ở trước, rất dễ hiểu. 2. Hoặc ở trong đó nên phân biệt Bồ-đặc-già-la, tức là thứ hai. do phân biệt với hữu tình ở trước nên nói năng mềm mỏng nhẹ nhàng, tự không khởi phiền não. 3. Hoặc ở trong đây nêu duyên mạnh mẽ, nhiếp thọ nhân chuyển, tức là thứ ba. 4. Tuy vật ít nhỏ nhưng vận tâm phân duyên mỏng manh, nay nhiếp nhân khởi khắp, nếu phát chánh nguyện tức là thứ tư. 5. Tuy không có năng lực làm khắp các việc, chỉ phát chánh nguyện, sau có lúc thực hành, cứu giúp cùng khắp, hoặc ở trong đây chế ngự tâm mình, không để cho rong ruổi là thứ năm. 6. Các thứ thọ lạc phần nhiều thuộc về buông lung, tâm không tán loạn có công năng xa lìa rong ruổi. Hoặc ở trong đó an trụ tâm cuồng là thứ sáu. 7. Không có khả năng lợi sanh, an tâm kính làm sau sẽ được quả tâm, mạnh mẽ chọn lựa tức là thứ bảy. 8. Khởi tâm chọn lựa, có thể nhiếp, không thể nhiếp thì nên xả bỏ, không sanh nhằm mỗi mà tự an nhẫn tức là thứ tám, rất dễ hiểu. Hoặc ở trong đó mà thực hành buông bỏ: Trước giải thích thứ mười rằng: đối với vật này khó xả bỏ nên lẽ ra không sanh luyến mến mà chấp lấy bố thí cho, hoặc ở đây giải thích thứ bảy ở trước, đời này có thể xả bỏ chọn lựa mạnh mẽ ở trước hợp giải thích thứ tám, hoặc ở

trong đó phát khởi siêng năng tinh tiến, hăng hái không biếng nhác. Thứ lớp lại giải thích thứ chín ở trước, rất dễ hiểu. Nếu dùng hạnh trước này để buông bỏ là lại giải thích thứ bảy ở trước, đây là hợp giải thích thứ chín, thứ mười. Hoặc ở trong đó khéo léo phương tiện giải thích thứ mười một ở trước, là đối trị rất dễ hiểu. Mà chánh tu hành: là giải thích thứ mười, mười hai ở trước, rất dễ hiểu. Có chỗ giải thích: Ở trước đối trị như trước phối hợp, hoặc ở trong đó an trụ tâm mình trở xuống, cho đến mà tự an nhẫn để giải thích đối trị thứ sáu ở trước. Hoặc ở trong đó mà thực hành buông bỏ là giải thích đối trị của câu thứ bảy ở trước, hoặc ở trong đó phát tâm siêng năng tinh tiến, hăng hái không biếng nhác là giải thích câu thứ tám, thứ chín, thứ mười ba, tinh tiến trong đây là một, hăng hái là hai, không biếng nhác là ba. Như kế đây là ba. Hoặc ở trong đó khéo léo phương tiện mà chánh tu hành là hợp giải thích mười một, mười hai. như trước giải thích rất dễ hiểu. Nếu theo Địa Trì thì năng trì trong đây có chín câu, không thể y theo xem xét, tuy có nhiều lời mà chưa quyết định. Nay lại giải thích hai luận tâm và cựu đều như thứ lớp có mười hai câu để đối trị mười hai vạn hỏi ở trước, nghĩa là trong đây đầu tiên nói rằng các Bồ tát gặp các việc nạn, hoặc ở trong đó nên quán xét nặng nhẹ, đúng như sự thích ứng mà thực hành phương tiện. bản dịch xưa nói “Đối với chúng sinh, Bồ-tát không quán nặng nhẹ mà thực hành phương tiện. Đây tức là đối trị với điều khó thứ nhất ở trước.”

Thứ hai nói rằng “Hoặc ở trong đó, nên chọn lựa Bồ-đặc-già-la. Bản dịch xưa chép rằng: Hoặc quán sát ở người mà thực hành sai, là đối trị nạn thứ hai ở trước, thứ ba là ở trong đó phan duyên mạnh mẽ nhiếp thọ nhân chuyển biến.” bản dịch xưa nói “Hoặc phương tiện mạnh mẽ vì tạo ra nhân duyên, đối trị với việc khó thứ ba.”

Thứ tư nói rằng “Nếu phát chánh nguyện.” bản dịch xưa nói “Hoặc tu nguyện chân chính, đối trị với việc khó thứ tư.”

Thứ năm nói rằng “Hoặc ở trong đó, chế ngự tâm tình, không để cho rong ruổi.” Bản dịch xưa nói “Hoặc tâm tịnh tín, đối trị việc khó thứ năm.”

Thứ sáu nói rằng “Trong đó, an trụ tâm mình.” Bản dịch xưa nói “Hoặc chuyên tâm, đối trị việc khó thứ sáu.”

Thứ bảy nói rằng “Tư duy lựa chọn một cách mạnh mẽ, nhạy bén.” Bản dịch xưa nói “Tư duy, quán sát, đối trị với việc khó thứ bảy.”

Thứ tám nói rằng “Bất sinh nhàm chán, mỗi một.” Bản dịch xưa nói “Không mỗi một, đối trị với việc khó thứ tám.”

Thứ chín nói rằng “Mà tự an nhẫn.” Bản dịch xưa nói “Hoặc đôi

khi nhu nhuyễn, đối trị với việc khó thứ chín.”

Thứ mười nói rằng “Hoặc ở trong đó mà thực hành không bỏ.” Bản dịch xưa nói “có khi hành Xã, đối trị việc khó thứ mười.”

Thứ mười một nói rằng “Hoặc ở trong đó, phát siêng năng tinh tấn hăng hái, không có lười biếng.” Bản dịch xưa nói “Đôi lúc tinh tấn, đối trị việc khó thứ mười một.”

Thứ mười hai nói rằng “Hoặc ở trong đó, dùng phương tiện khéo léo mà tu hành chân chính.” Bản dịch xưa nói “Đôi khi dùng phương tiện khéo để đối trị việc khó thứ mười hai.”

